

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG
BINH DUONG MINERAL AND
CONSTRUCTION JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 10/2021/KSB

Bình Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2021
Binhduong, 20/8/2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY
DỰNG BÌNH DƯƠNG/ BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY**
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: **KSB**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thành phố
Thuận An, Tỉnh Bình Dương/ Binh Duong highway, Thuan Giao ward, Thuan An city,
Binh Duong province.
- Điện thoại/ *Telephone*: 0274.3822.602

- Fax: 0274.3823922

- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: **Trần Đình Hà**

- Chức vụ/ Position: **Tổng Giám đốc/ CEO**

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Báo cáo thường niên năm 2020 / Annual report 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/10/2021 tại đường dẫn <http://www.bimico.com.vn>

This information was disclosed on Company on 20/10, 2021 Available at: <http://www.bimico.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachment

BC thường niên năm 2020

Annual report 2020

Đại diện tổ chức

Organization representation

Người UQ CBTT

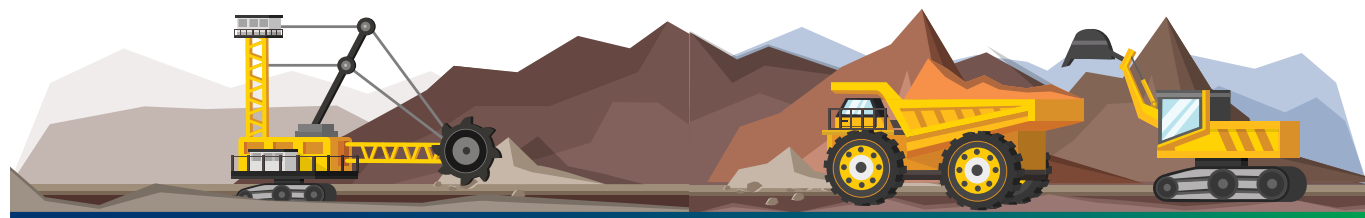
Party authorized to disclose information



Trần Đình Hà



VỮNG TIN TRONG
THÁCH THỨC



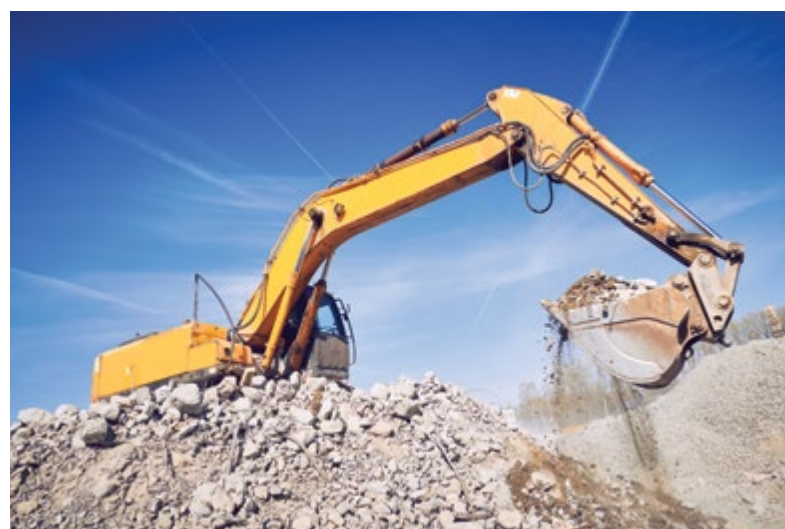
MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	4
Chỉ tiêu tài chính nổi bật 2017-2020	6
Chỉ số phát triển bền vững năm 2020	8
Giải thưởng tiêu biểu	10

01

TỔNG QUAN VỀ BIMICO

Thông tin chung	14
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	16
Hành trình phát triển	18
Lĩnh vực kinh doanh và địa bàn kinh doanh	20
Khách hàng và đối tác tiêu biểu	22
Sản phẩm và dịch vụ chính	23
Nhà máy, xí nghiệp và Công ty trực thuộc	24



02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

28	Sơ đồ tổ chức
30	Giới thiệu Hội đồng Quản trị
33	Giới thiệu Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ
34	Giới thiệu Ban Điều hành
36	Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Quản trị Công ty và hoạt động sản xuất kinh doanh
40	Đánh giá triển vọng vĩ mô và định hướng chiến lược hoạt động
46	Báo cáo và đánh giá của Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ
47	Báo cáo hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập
48	Thông tin cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
50	Quản trị rủi ro
52	Giao dịch của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan



04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TÓM TẮT)

Mục tiêu chiến lược phát triển Bền vững	76
Quản lý tác động đến môi trường	80
Việc làm và chính sách phúc lợi cho người Lao động	84
Trách nhiệm cộng đồng địa phương	88
Đóng góp Kinh tế	90



03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

56	Kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020
58	Tình hình đất đai và đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh
59	Phân tích tình hình tài chính
70	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

94	Thông tin chung
96	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
97	Báo cáo kiểm toán độc lập
99	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
101	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
102	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
104	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MẶC DÙ GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19, HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ BỊ NGỪNG TRỆ NHƯNG BIMICO TIẾP TỤC CÓ MỘT NĂM THÀNH CÔNG VỚI DOANH THU THUẦN ĐẠT HƠN 1.322 TỶ ĐỒNG, LỢI NHUẬN SAU THUẾ 319,3 TỶ ĐỒNG, VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẠT GẦN 1.577 TỶ ĐỒNG. TRONG MỘT NĂM GẶP NHIỀU THÁCH THỨC, BAN LÃNH ĐẠO ĐÃ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO, QUẢN TRỊ DÒNG TIỀN, TIẾT GIẢM CÁC CHI PHÍ KHÔNG CẦN THIẾT MÀ VẮN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH DUY TRÌ HIỆU QUẢ.

Kính thưa Quý vị Cổ đông, Đối tác, Nhà đầu tư, và tập thể CBNV,

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lan rộng đã đẩy thế giới rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội toàn diện trong năm 2020. Nhờ các chính sách đúng đắn, Việt Nam đã trở thành gương điển hình trong phòng chống dịch bệnh, đồng thời thực hiện thành công mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, hoạt động của nền kinh tế bị ngưng trệ nhưng BIMICO tiếp tục có một năm thành công. Trong một giai đoạn gặp nhiều thách thức, Ban Lãnh đạo đã đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, quản trị dòng tiền, tiết giảm các chi phí không cần thiết mà vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì hiệu quả. Nhờ đó, với doanh thu thuần trong năm 2020 của Công ty đạt 1.322,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế duy trì ở mức cao 401,95 tỷ đồng và đạt 100,5% so với kế hoạch của ĐHCĐ, lợi nhuận sau thuế đạt mức 327,76 tỷ đồng, vượt 102,4% kế hoạch do ĐHCĐ giao. Đây là điểm đáng khích lệ, chứng minh nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cũng như tập thể CBCNV toàn Công ty.

BIMICO tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng;

được trao tặng Giải thưởng Top 10 Báo cáo Thường niên Tốt nhất Mid Cap – Giải thưởng Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam năm 2020 và Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – ASEAN +3.

Bên cạnh việc đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, chăm lo tốt đời sống người lao động, BIMICO còn tham gia tích cực chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước một cách thường xuyên và thiết thực. Trong năm 2020, Công ty đã hỗ trợ các địa phương và người dân với tổng số tiền là: 4,46 tỷ đồng. Hoạt động SXKD thường xuyên của BIMICO đã góp phần tạo cơ hội việc làm cho gần 400 lao động, phần lớn là cư dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương - địa bàn hoạt động của Công ty, và đóng góp một khoản đáng kể vào ngân sách nhà nước hằng năm.

Dự kiến trong năm 2021, kinh tế thế giới sẽ dần hồi phục và Việt Nam là một điểm đến sôi động của dòng vốn đầu tư quốc tế. Các hoạt động kích thích kinh tế như đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cùng với hoạt động sản xuất công nghiệp mở rộng, đặc biệt tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam – địa bàn hoạt động chính của BIMICO, sẽ mở ra nhiều cơ hội để Công ty bứt phá.

Thay mặt Ban Lãnh đạo BIMICO, tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng, đối tác, cổ đông, và toàn thể CBNV đã đồng hành cùng Công ty, và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị để chúng ta cùng nhau chinh phục những mốc son mới trong tương lai.

Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe và thành công.

Trân trọng.



PHAN TẤN ĐẠT
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2017-2020

ĐVT: TỶ VNĐ

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2020 so với 2019 (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.094,06	1.168,99	1.313,99	1.322,46	0,64%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	659,89	598,45	673,12	719,34	6,87%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	434,17	570,55	640,87	603,11	-5,89%
Doanh thu hoạt động tài chính	15,19	21,52	32,14	63,01	96,03%
Chi phí tài chính	-	30,37	81,50	101,47	24,50%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	30,29	80,59	99,04	22,89%
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	-	(2,04)	(6,51)	(4,34)	-33,33%
Chi phí bán hàng	60,47	74,38	89,17	88,89	-0,31%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47,20	84,06	83,13	73,06	-12,12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	341,69	401,22	412,68	398,36	-3,47%
Thu nhập khác	13,53	25,33	20,65	21,20	2,68%
Chi phí khác	7,98	17,54	18,16	17,61	-3,02%
Lợi nhuận khác	5,55	7,79	2,49	3,59	44,24%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	347,24	409,01	415,18	401,95	-3,18%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	277,21	327,70	330,14	327,76	-0,72%

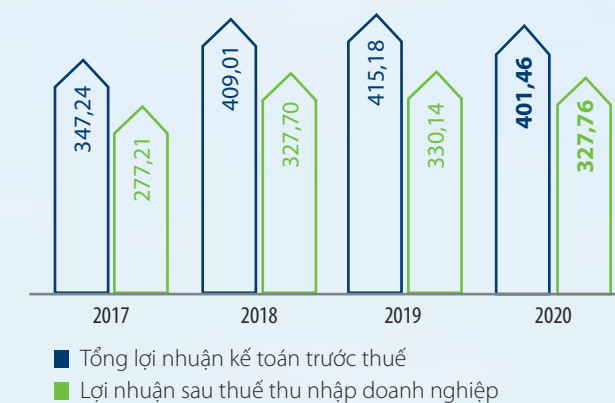
DOANH THU - LỢI NHUẬN GỘP

(Đvt: Tỷ đồng)



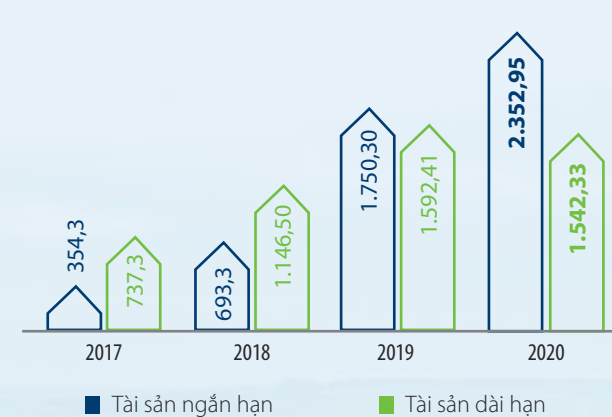
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LỢI NHUẬN SAU THUẾ

(Đvt: Tỷ đồng)



CƠ CẤU TỔNG TÀI SẢN

(Đvt: Tỷ đồng)



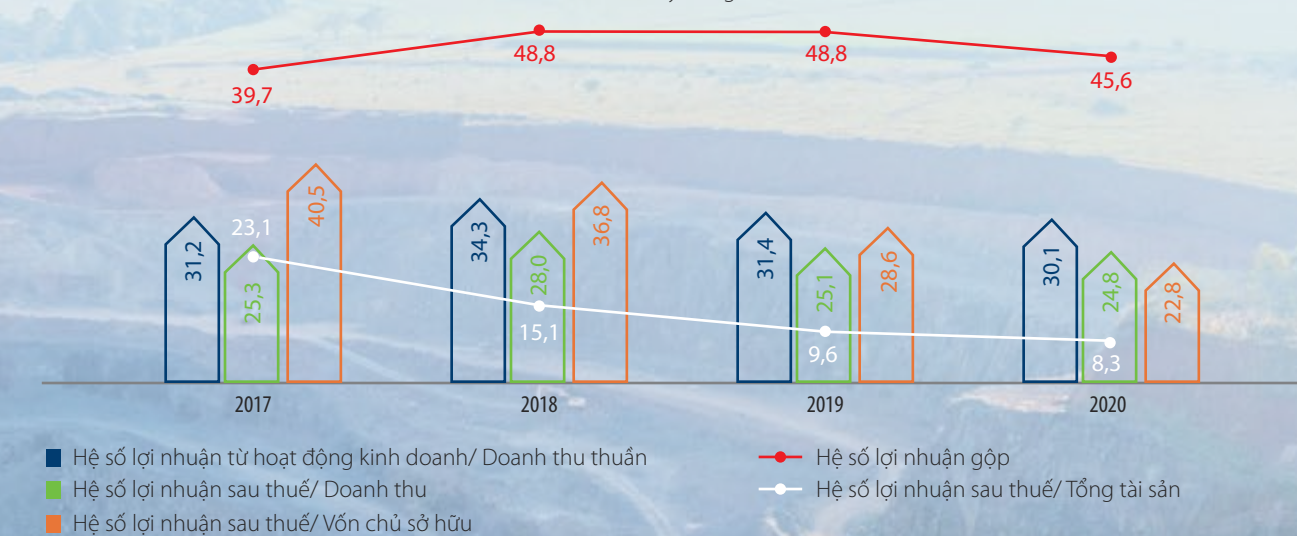
CƠ CẤU NGUỒN VỐN

(Đvt: Tỷ đồng)



KHẢ NĂNG SINH LỜI

(Đvt: Tỷ đồng)



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020



GIÁ TRỊ KINH TẾ TẠO LẬP

1.406,7

TỶ ĐỒNG



GIÁ TRỊ KINH TẾ CHIA SẺ

1.591,4

TỶ ĐỒNG



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN

359

NGƯỜI



LƯƠNG THƯỞNG VÀ
PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI
LAO ĐỘNG

63

TỶ ĐỒNG



CHI PHÍ CHO
HOẠT ĐỘNG
CỘNG ĐỒNG

4,46

TỶ ĐỒNG



NỢP NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC

253,6

TỶ ĐỒNG

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

TOP 100 SAO VÀNG ĐẤT VIỆT

Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao Giải



VINH DỰ NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG II

do Chủ tịch nước tặng



TOP 200 DOANH NGHIỆP KINH DOANH HIỆU QUẢ CỦA CHÂU Á LẦN THỨ 3

do Forbes bình chọn

GIẢI THƯỞNG DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VIỆT NAM - ASEAN +3 NĂM 2020



ĐƯỢC VINH DANH DOANH NGHIỆP VẬT LIỆU XÂY DỰNG BMF

Do Diễn đàn Doanh nghiệp Vật liệu Xây dựng bình chọn



TOP 10 DOANH NGHIỆP NIỀM YẾT NHÓM VỐN HÓA VỪA CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT



ĐẠT GIẢI THƯỞNG RỒNG VÀNG 2018 VÀ THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 2017 - 2018

Do Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

01

TỔNG QUAN VỀ BIMICO

- 14 Thông tin chung
- 16 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 18 Hành trình phát triển
- 20 Lĩnh vực và Địa bàn kinh doanh
- 22 Khách hàng và đối tác tiêu biểu
- 23 Sản phẩm và dịch vụ chính
- 24 Các nhà máy, xí nghiệp và Công ty trực thuộc



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Tên tiếng Anh	: BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: BIMICO
Trụ sở chính	: Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Đăng ký kinh doanh	: Giấy CNĐKDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 27/04/2006, thay đổi lần thứ 21 ngày 11/01/2021.
Mã số doanh nghiệp	: 3700148825
Kiểm toán độc lập	: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu	: KSB
Địa chỉ niêm yết	: Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM - HOSE
Vốn điều lệ	: 669.684.780.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	: 1.583,97 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2020)

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Điện thoại	: (0274) 3822.602	Fax	: (0274) 3823.922
Email	: info@bimico.com.vn		
Web	: www.bimico.com.vn		



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Đến năm 2025 trở thành nhà cung cấp hàng đầu Đông Nam Bộ về sản phẩm vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng chất lượng cao.



SỨ MỆNH

Luôn luôn sáng tạo, mở rộng nguồn tài nguyên và quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và dịch vụ. Trở thành đối tác tin cậy của các nhà thầu xây dựng, tham gia vào các công trình trọng điểm của khu vực Đông Nam Bộ và Phía Nam của cả nước.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đoàn kết

Năng động

Sáng tạo

Phát triển bền vững

HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN

1993

THÀNH LẬP CÔNG TY

BIMICO, thành lập ngày 13/01/1993 theo quyết định số 62/QĐ-UB của UBND tỉnh Sông Bé nay là tỉnh Bình Dương, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước.

1997

ĐỔI TÊN CÔNG TY

Khi tỉnh Sông Bé được chia tách thành hai tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước. Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Sông Bé được đổi tên thành Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương, theo quyết định số 568/QĐ-UB ngày 01/03/1997 của UBND tỉnh Bình Dương.

2000

ĐỔI TÊN CÔNG TY

Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, theo Quyết định số 179/2000/QĐ-UB ngày 29/12/2000 của UBND tỉnh Bình Dương và đây cũng là tên gọi chính thức của Công ty cho đến nay.

2006

CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

Tháng 5/2006, Công ty được cổ phần hóa với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, với 51% được Nhà nước nắm giữ.

2015

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Tháng 7 năm 2015, Công ty phát hành thêm 5.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 234 tỷ đồng, vốn nhà nước (SCIC) 50,05%.

2012

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Ngày 9/3/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lần hai lên 180 tỷ đồng, vốn nhà nước 50,5%.

2010

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tháng 1 năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 107 tỷ đồng, niêm yết cổ phiếu tại HOSE với mã chứng khoán KSB, vốn nhà nước 50,5%.

2007

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Công ty chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

2016

DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Từ ngày 24 đến ngày 26/02/2016, SCIC đã bán toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty, BIMICO trở thành doanh nghiệp ngoài nhà nước. Cổ phần được nắm bởi các công ty, các quỹ, nhân viên nội bộ và các Cổ đông. BIMICO chứng minh được mình là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

2017

ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG II - THÀNH LẬP CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN

Công ty phát hành thêm 23.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 468 tỷ đồng.

Doanh số vượt mức 1.100 tỷ đồng; Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty, đón huân chương lao động hạng II; Bắt đầu sản xuất đá ly tâm VSI và cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên; Tham gia cung cấp vật liệu xây dựng cho tòa nhà cao nhất Việt Nam Landmark 81.

Thành lập Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB với vốn điều lệ lên đến 300 tỷ đồng, đầu tư chiến lược vào hệ sinh thái Khu công nghiệp.

2020

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ HÀNG ĐẦU

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, hoạt động của nền kinh tế bị ngưng trệ nhưng BIMICO tiếp tục có một năm thành công với doanh thu thuần đạt 1.322,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 327,76 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt gần 1.584 tỷ đồng.

BIMICO tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng phục vụ sản xuất VLXD; được trao tặng Giải thưởng Top 10 BCTN Tốt nhất Mid Cap - Giải thưởng DNNY Việt Nam năm 2020 và Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam - ASEAN+3.

2019

THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KSB

Thành lập Công ty TNHH Đầu tư KSB, mở rộng hoạt động mảng BĐS khu công nghiệp. Trong năm qua, BIMICO còn thành lập Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB, mở rộng hoạt động khai thác, chế biến cao lanh.

2018

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC - PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP

Phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức - Phát hành cổ phiếu ESOP ưu đãi cho người lao động, vốn điều lệ tăng lên hơn 537,8 tỉ đồng.



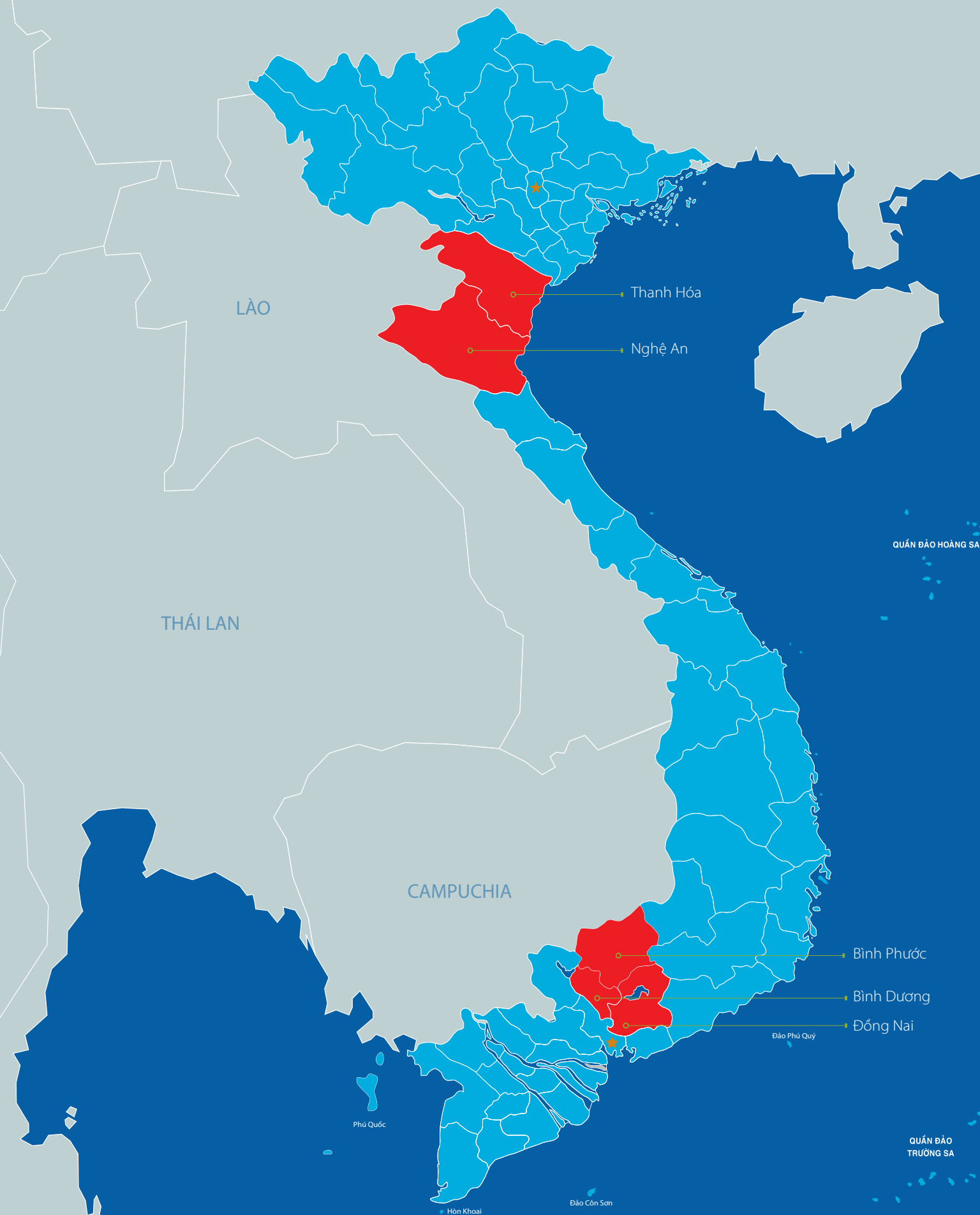
LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

- » Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- » Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng.
- » Khai thác nước ngầm; sản xuất nước uống tinh khiết.
- » Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- » Kinh doanh vận tải đường bộ và đường thủy.
- » Xử lý môi trường (Khu Xử lý nước thải tại Cty KSB IDC).
- » Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp.
- » Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng, sân bóng đá mini.
- » Cho thuê nhà trọ, phòng trọ (Nhà ở công nhân).

ĐỊA BÀN KINH DOANH

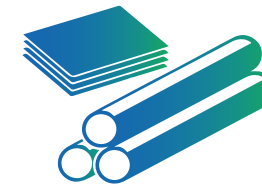
- » Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu tập trung ở tỉnh Bình Dương, Bình Phước. Hoạt động khai thác tại các địa phương: Huyện Bắc Tân Uyên, Phú Giáo tỉnh Bình Dương; Huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước.
- » Từ năm 2019 Công ty đã tiến hành đầu tư một số mỏ mới, mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tỉnh Đồng Nai, Nghệ An và Thanh Hóa.



KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH



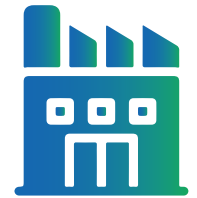
VẬT LIỆU XÂY DỰNG

BIMICO chủ động phát triển những sản phẩm xây dựng mang tính cải tiến để đáp ứng nhu cầu của các dự án khác nhau từ dự án cao ốc đến cơ sở hạ tầng và thân thiện hơn với môi trường. Các sản phẩm đá xây dựng của BIMICO hiện được đánh giá cao về chất lượng và đạt tiêu chuẩn ngành, đặc biệt là sản phẩm đá ly tâm. Ngoài ra, các sản phẩm cống bê tông và gạch tuynel của BIMICO cũng được đánh giá cao nhờ công nghệ sản xuất tiên tiến.



KAOLIN

BIMICO sở hữu mỏ Kaolin với trữ lượng lớn, Công ty hiện đang khai thác và chế biến các loại cao lanh lọc và cao lanh bột phục vụ cho các ngành công nghiệp như: gốm sứ, ceramic, sơn, nhựa, chế biến cao su và chất độn cho các nhà máy sản xuất phân bón, thức ăn gia súc. Đây cũng là một trong những sản phẩm được đánh giá có chất lượng cao của BIMICO.



PHÁT TRIỂN BDS KHU CÔNG NGHIỆP

Dựa trên lợi thế sẵn có là khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, BIMICO đầu tư vào bất động sản công nghiệp và dịch vụ bất động sản nhằm đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa.



NHÀ MÁY, XÍ NGHIỆP VÀ CÔNG TY TRỰC THUỘC

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC SÉT GẠCH NGÓI PHƯỚC HOÀ

Địa chỉ: Ấp Bồ Lá, xã Phước Hòa, H.Phú Giao, Bình Dương.
Diện tích khai thác: 11,717 ha.
Trữ lượng: 1,5 triệu m³ (đất sét nguyên khối), tương đương 1,9 triệu m³ (đất sét rời).
Công suất: 250.000 m³/năm (đất sét nguyên khối), tương đương với 325.000 m³/năm (đất sét rời).
Khai thác mỏ lộ thiên bằng cách: sử dụng máy xúc thủy lực để xúc bốc trực tiếp lên phương tiện vận chuyển.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP KSB IDC

Địa chỉ: Xã Đất Cước, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
Khu Công nghiệp Đất Cước nằm trong tổng thể khu phát triển kinh tế – đô thị của tỉnh Bình Dương. Địa thế đẹp, điều kiện xây dựng thuận lợi, cơ sở hạ tầng trong khu hoàn thiện, chất lượng tốt, là nơi lý tưởng sẽ mang đến sự thành công cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ TÂN ĐÔNG HIỆP

Địa chỉ: 506/1A, Kp. Tân An, P. Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Bình Dương.
Diện tích khai thác: 23 ha.
Trữ lượng: 9,5 triệu m³.
Công suất: 1,6 triệu m³/năm.
Mỏ lộ thiên khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng công suất 150 – 200 tấn/h.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ PHƯỚC VĨNH

Địa chỉ: Kp. 3 TT Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, Bình Dương.
Diện tích: 30 ha.
Trữ lượng: 6 triệu m³/năm.
Công suất: 1.2 triệu m³/năm.
Sản phẩm đa dạng: 1x2, 0x4, 4x6, mi bụi, mi sàng, đá hộc.
Mỏ lộ thiên khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 – 350 tấn/h.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ TÂN MỸ

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Mỹ, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
Diện tích khai thác: 41 ha.
Trữ lượng: 22 triệu m³.
Công suất: 1.5 triệu m³/năm.
Khai thác lộ thiên bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 – 250 tấn/h, đường vận tải và hệ thống cảng sông độc lập thuận lợi cho việc vận chuyển thủy và bộ.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT BÊ TÔNG

Địa chỉ: N4-D3, Khu Công nghiệp KSB, xã Đất Cước, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
Công nghệ: Công nghệ quay ly tâm, Công nghệ rung lõi của CHLB Đức.
Công suất: 60.000 m³/năm.
Xí nghiệp sản xuất bê tông sản xuất các loại cống tròn, cống hộp và các cấu kiện bê tông đúc sẵn với nhiều loại kích thước khác nhau. Đội ngũ công nhân lành nghề, cung cấp các dịch vụ vận chuyển, cầu ráp cống theo yêu cầu của khách hàng.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

NHÀ MÁY GẠCH BÌNH PHÚ

Địa chỉ: Đường ĐT 746, tổ 4, Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Diện tích nhà xưởng: 20.000 m².
Nguyên liệu: Đất sét chọn lọc.
Công suất: 45 triệu viên/năm.
Các sản phẩm của nhà máy gạch Tuynel Bình Phú đa dạng về chủng loại, mẫu mã đẹp được trung tâm QUACERT giám sát và chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 1450:2009.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

CÔNG TY TNHH CAO LẠNH MINH LONG KSB

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Minh Long, H. Chơn Thành, Bình Phước.
Diện tích khai thác: 64 ha.
Trữ lượng: 12 triệu m³.
Công suất: 450.000 tấn/năm.
Mỏ Cao Lanh Minh Long là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu Cao Lanh chất lượng, ổn định và lâu dài đến năm 2038 cho các nhà máy Ceramic và nhà máy phân bón trong khu vực Miền Nam.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN CAO LẠNH TÂN THÀNH

Địa chỉ 1: Ấp Suối Sâu, Xã Đất Cước, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
Địa chỉ 2: Ấp 1, Xã Tân Lập, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.
Diện tích khai thác: 24 ha.
Trữ lượng: 1,3 triệu m³.
Công suất: 100.000 tấn/năm.
Mỏ Lộ Thiên, độ sâu 10-15m, thiết bị khai thác, xúc bốc tiên tiến và an toàn. Cao lanh Tân Lập chất lượng ổn định, là nguồn nguyên liệu cho các nhà máy ceramic và chất độn cho các nhà máy phân bón trong vùng Đông Nam Bộ.
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KSB

Địa chỉ 1: Thửa đất số 850, tờ bản đồ số 122 (DC122), đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố Hoà Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI KHAI KHOÁNG THĂNG LONG

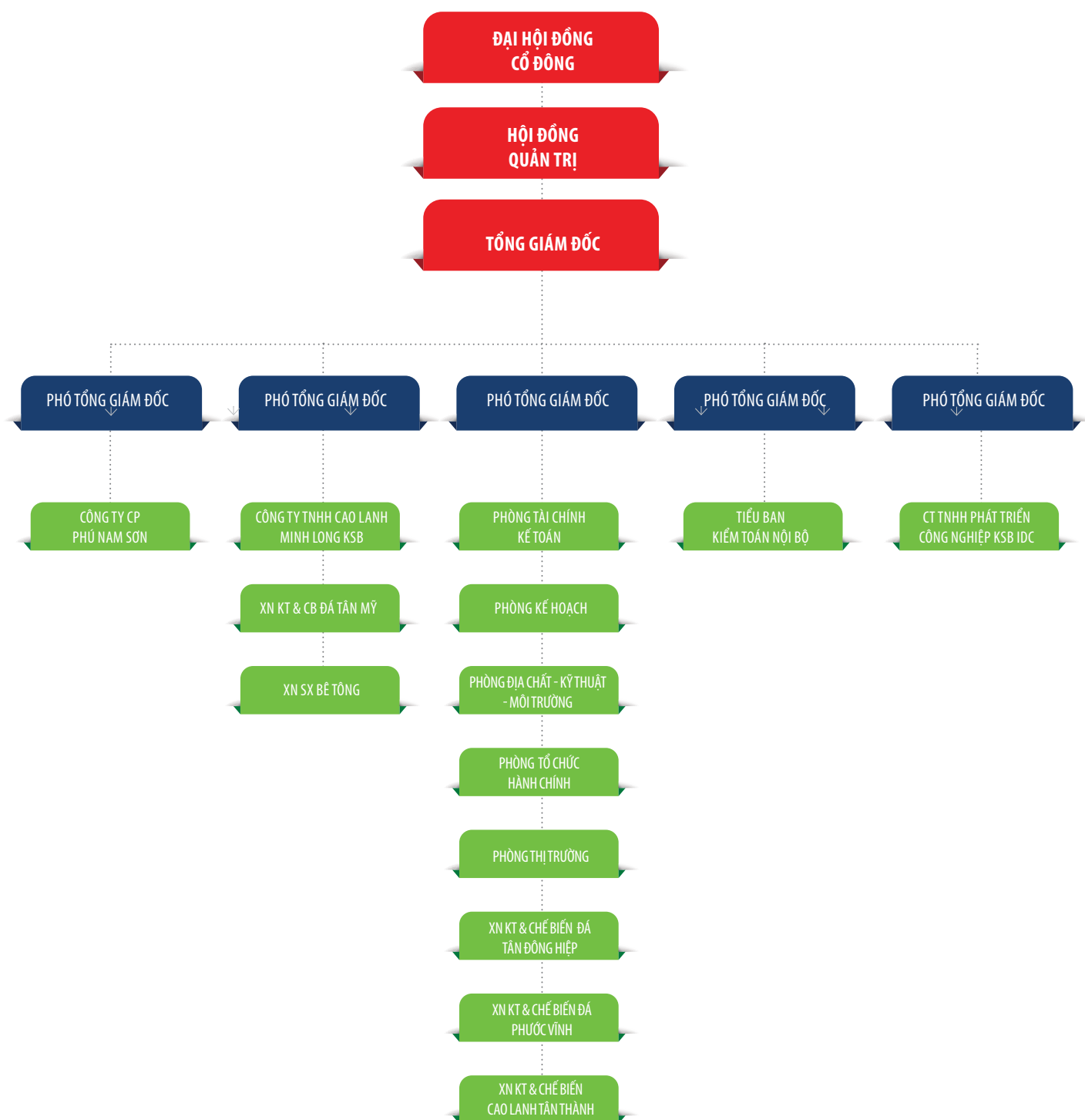
Địa chỉ 1: Xã Thiện Tân 7, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
Diện tích khai thác: 5,7 ha.
Trữ lượng: 4,25 triệu m³.
Thời hạn sử dụng: đến 28/01/2035

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 28 Sơ đồ tổ chức
- 30 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 33 Giới thiệu Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ
- 34 Giới thiệu Ban Điều hành
- 36 Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Quản trị Công ty và hoạt động sản xuất kinh doanh
- 40 Đánh giá triển vọng vĩ mô và định hướng chiến lược hoạt động
- 46 Báo cáo và đánh giá của Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ
- 47 Báo cáo hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập
- 48 Thông tin cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- 50 Quản trị rủi ro
- 52 Giao dịch của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	% sở hữu	Hoạt động chính
I CÔNG TY CON				
1	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Bình Dương	100%	Phát triển khu công nghiệp
2	Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải - Khai khoáng Thăng Long	Đồng Nai	100%	Khai thác khoáng sản
3	Công ty TNHH Huệ Minh	Nghệ An	100%	Khai thác khoáng sản
4	Công ty TNHH Đầu tư KSB	Bình Dương	100%	Khai thác, chế biến khoáng sản
II CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Thanh Hóa	50%	Cung cấp vật liệu xây dựng



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **PHAN TẤN ĐẠT**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tấn Đạt từng đảm nhiệm những vị trí then chốt tại các ngân hàng, doanh nghiệp lớn.

Giai đoạn năm 2009-2014, Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc Đầu tư Tài chính tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank); Trưởng Ban Kiểm soát CTCP kinh doanh Bất động sản Lâm nghiệp Việt Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Trần Đức.

Từ năm 2015 đến nay, Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Căn nhà Mơ ước (DRH Holdings).

Từ năm 2016 đến nay, Ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO).



Ông **TRẦN ĐÌNH HÀ**

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Trần Đình Hà bắt đầu tham gia công tác quản lý, điều hành tại BIMICO từ năm 2000 và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.

Năm 2009, Ông là Giám đốc Xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Phước Vĩnh.

Năm 2013, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương và trực tiếp quản lý 04 đơn vị trực thuộc BIMICO.

Hiện nay, Ông Trần Đình Hà được giao phụ trách toàn bộ công tác thị trường của Công ty.



Ông **NGUYỄN QUỐC PHÒNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Phòng là người từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt liên quan đến hoạt động Kế toán – Tài chính tại nhiều Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn.

Ông từng đảm nhận vai trò Kế toán trưởng Chi nhánh Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp (VIGECAM); phụ trách Phó phòng Tài chính thuộc CTCP VINACAM giai đoạn 2005-2008; Phó Tổng Giám đốc Tài chính tại Tập Đoàn Quốc tế Năm Sao giai đoạn 2009-2013 và Phó Giám đốc phụ trách Tài chính – Kế toán thuộc CTCP Xuất Nhập Khẩu VINA.

Từ tháng 11/2016 đến nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO).



Ông **TÔN THẮT DIÊN KHOA**

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Tôn Thất Diên Khoa là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tại doanh nghiệp, am hiểu sâu rộng trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Từ tháng 08/1995 đến tháng 06/2006, Ông đảm nhiệm nhiều chức vụ tại Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Từ tháng 07/2006, Ông là Giám đốc Đầu tư Tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Từ tháng 03/2008, Ông là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Vinaconex-ITC.

Từ tháng 05/2010, Ông là Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Thủy sản Số 1.

Hiện ông Tôn Thất Diên Khoa là Giám đốc Đầu tư Tài chính - Ngân hàng Eximbank Chi nhánh TP.HCM và là thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO).

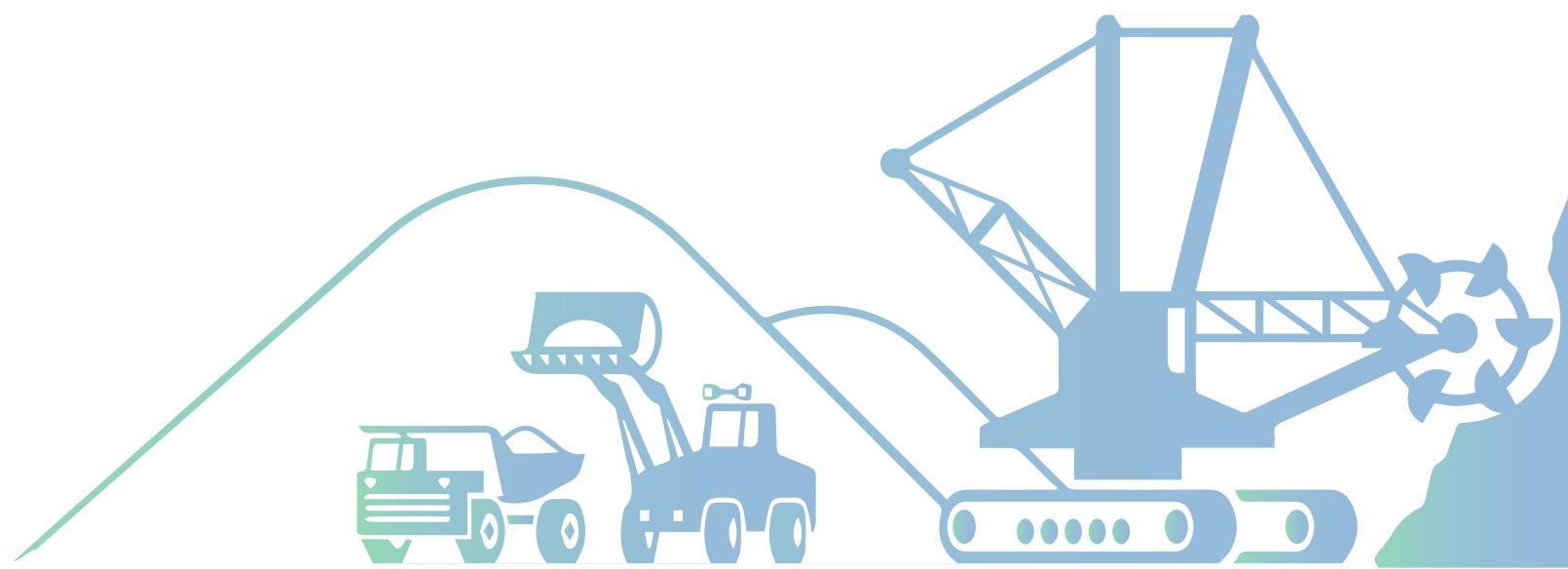


Ông **TRẦN NGỌC ĐỈNH**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Đỉnh có nhiều năm là lãnh đạo cấp cao tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường. Ông đã từng là Phó Giám đốc Công ty Môi trường Glowtee; Tổng Giám đốc Công ty Môi trường Á Đông; Tổng Giám đốc CTCP Thể thao Bình Minh.

Từ năm 2016 đến nay, ông Đỉnh là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Đầu tư Căn nhà Mơ ước (DRH Holdings) và thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO).



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Ông **DƯƠNG NGỌC HẢI**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Dương Ngọc Hải là thành viên Hội đồng Quản trị tại các Công ty tài chính hàng đầu tại TP.HCM.

Từ năm 2019 là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **HOÀNG NGUYỄN BÌNH**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Hoàng Nguyễn Bình đã tốt nghiệp thạc sỹ quản trị kinh doanh và đảm nhiệm các vai trò quan trọng tại các Công ty hoạt động về lĩnh vực Chứng khoán, Tài chính.

Giai đoạn 2005 – 2006 giữ chức Kế toán Trưởng tại Công ty Cổ phần Môi giới Thương Mại Châu Á.

Giai đoạn 2006 – 2009 Trưởng phòng môi giới và phát triển thị trường Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM.

Từ năm 2009 – 2012 làm Phó Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Cần Thơ.

Từ năm 2012 – 2017 phụ trách môi giới khu vực phía nam Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM.

Từ năm 2017– nay phụ trách Tư vấn Tài chính doanh nghiệp khu vực phía nam Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM.

Từ năm 2019 là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

GIỚI THIỆU TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Ông **HOÀNG NGUYỄN BÌNH**
Trưởng Tiểu ban kiểm toán nội bộ

Ông Hoàng Nguyễn Bình đã tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và đảm nhiệm các vai trò quan trọng tại các Công ty hoạt động về lĩnh vực Chứng khoán, Tài chính.

Giai đoạn 2005 – 2006 giữ chức Kế toán Trưởng tại Công ty Cổ phần Môi giới Thương Mại Châu Á.

Giai đoạn 2006 – 2009, Ông là Trưởng phòng môi giới và phát triển thị trường Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM.

Từ năm 2009 – 2012 làm Phó Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Cần Thơ.

Từ năm 2012 – 2017 phụ trách môi giới khu vực phía nam Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM.

Từ năm 2017– nay phụ trách Tư vấn Tài chính doanh nghiệp khu vực phía nam Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM.

Từ năm 2019 là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.



Ông **LÊ ĐÌNH VŨ LONG**
Phó trưởng Tiểu ban kiểm toán nội bộ

Ông Lê Đình Vũ Long Tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế ngành Kinh tế Tài chính Ngân hàng.

Từ năm 2000 – 2019 ông đảm nhiệm các vị trí then chốt tại VP Hội sở Ngân hàng Phương Đông TP.HCM.

Từ năm 2020 ông được bổ nhiệm Phó trưởng Tiểu ban kiểm toán nội bộ tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **TRẦN ĐÌNH HÀ**

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Trần Đình Hà bắt đầu tham gia công tác quản lý, điều hành tại BIMICO từ năm 2000 và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.

Năm 2009, Ông là Giám đốc Xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Phước Vĩnh.

Năm 2013, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương và trực tiếp quản lý 04 đơn vị trực thuộc BIMICO.

Hiện nay, Ông Trần Đình Hà được giao phụ trách toàn bộ công tác thị trường của Công ty.



Ông **NGUYỄN QUỐC PHÒNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Phòng là người từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt liên quan đến hoạt động Kế toán – Tài chính tại nhiều Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn.

Ông từng đảm nhận vai trò Kế toán trưởng Chi nhánh Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp (VIGECAM); phụ trách Phó phòng Tài chính thuộc CTCP VINACAM giai đoạn 2005-2008; Phó Tổng Giám đốc Tài chính tại Tập Đoàn Quốc tế Năm Sao giai đoạn 2009-2013 và Phó Giám đốc phụ trách Tài chính – Kế toán thuộc CTCP Xuất Nhập Khẩu VINA.

Từ tháng 11/2016 đến nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO).



Ông **ĐẶNG QUANG THUNG**

Phó Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Quang Thung bắt đầu tham gia công tác quản lý điều hành tại CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO) từ những năm đầu thành lập và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty. Từ năm 2004 đến nay, ông là Bí thư Đảng Ủy kiêm Chủ tịch Công đoàn của BIMICO.

Từ năm 2006 đến nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO).



Ông **NGUYỄN HOÀNG SƠN**

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Sơn tốt nghiệp Đại học Mỏ-Địa chất chuyên ngành chế biến khoáng sản; Thạc sỹ Tài chính-Ngân hàng tại Đại học Khoa học Ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ – FNHW.

Ông đã từng làm trưởng Ban quản lý dự án Titan Pigment, trợ lý Hội đồng Quản trị tại Tổng Công ty KS và Thương mại Hà Tĩnh. Từ năm 2010-2016, Ông giữ vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp nặng FPT.

Từ 2010, Ông sáng lập và làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Tư vấn KS Quốc Tế S.O.N.

Từ tháng 11/2016, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO), phụ trách về lĩnh vực: Chiến lược, R&D và Công nghệ thông tin.



Ông **NGÔ TRỌNG NGHĨA**

Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Trọng Nghĩa đã từng nắm nhiều vị trí quản lý cao cấp ở nhiều đơn vị. Ông từng là Kiểm soát viên CTCP Thương mại Tổng hợp Thuận An, Trưởng Ban quản lý dự án Công ty Xây dựng-Tư vấn-Đầu tư Bình Dương, Phó Tổng Giám đốc Công ty Xây dựng-Tư vấn-Đầu tư Bình Dương, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phú Mỹ.

Hiện nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO).



Ông **NGUYỄN HOÀNG TÂM**

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Tâm đảm nhiệm vai trò quản lý công tác kế toán tại BIMICO, được bổ nhiệm Kế toán trưởng từ ngày 01/ 02/2019.

Thay đổi nhân sự cấp cao trong năm 2020:

- (1) Ông Phan Tấn Đạt thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 29/05/2020, để tập trung công việc Chủ tịch HĐQT và tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, thực hiện quản trị công ty minh bạch, hiệu quả, theo thông lệ tiên tiến.
- (2) Ông Trần Đình Hà được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Công ty kể từ ngày 29/05/2020.
- (3) Ông Hoàng Văn Lộc – Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD từ nhiệm ngày 06/04/2020.
- (4) Ông Lương Võ Hùng – Giám đốc Tài chính từ nhiệm từ ngày 10/11/2020.

BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD



HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã triệu tập 01 Đại hội đồng cổ đông vào ngày 29/05/2020, sau cuộc họp đã ban hành Nghị quyết 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ nhằm thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2019 và kế hoạch 2020, và thông qua các tờ trình.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị KSB gồm 7 thành viên, đều là những chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, đầu tư, kinh doanh. Trong số 7 thành viên, có đến 2 thành viên là các thành viên HĐQT độc lập, nhằm giúp đưa ra các ý kiến một cách khách quan, đảm bảo hoạt động HĐQT có hiệu quả, vì lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

Trong năm 2020, thành viên HĐQT Ông Hoàng Văn Lộc đã từ nhiệm vào ngày 06/04/2020, đồng thời Ông Trần Đình Hà được bầu vào HĐQT vào ngày 29/05/2020. Ông Trần Đình Hà được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Công ty vào cùng ngày.

Ông Phan Tấn Đạt thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 29/05/2020, để tập trung công việc Chủ tịch HĐQT và tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, thực hiện quản trị công ty minh bạch, hiệu quả, theo thông lệ tốt về quản trị công ty.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT		Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
1	Phan Tấn Đạt	Chủ tịch HĐQT	20/07/2016	13/13	100%		
2	Nguyễn Quốc Phòng	TV HĐQT	19/04/2017	13/13	100%		
3	Trần Đình Hà	TV HĐQT	29/05/2020	08/13	62%		Bổ nhiệm ngày 29/05/2020
4	Trần Ngọc Đính	TV HĐQT	16/11/2016	13/13	100%		
5	Dương Ngọc Hải	TV HĐQT	16/04/2019	13/13	100%		
6	Tôn Thất Diên Khoa	TV HĐQTĐL	18/04/2018	13/13	100%		
7	Hoàng Nguyên Bình	TV HĐQTĐL	16/04/2019	13/13	100%		
8	Hoàng Văn Lộc	TV HĐQT	16/04/2014	5/13	38%		Từ nhiệm ngày 06/04/2020

Năm 2020, trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, HĐQT đã tăng cường các cuộc họp để nhận định tình hình, đưa ra các định hướng kịp thời để Công ty vượt qua khó khăn, thách thức. HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp, gần 1,5 lần so với số lượng cuộc họp trong năm 2019 để thảo luận nhiều vấn đề. Cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ-HĐQT	25/02/2020	Quyết định về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
2	04/2020/NQ-HĐQT	26/03/2020	Thông qua danh mục tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
3	05/2020/NQ-HĐQT	16/04/2020	Hoãn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020	100%
4	06/2020/NQ-HĐQT	20/05/2020	Mua lại cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ	100%
5	07/2019/NQ-HĐQT	29/05/2019	Thông qua phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản.	100%
6	08/2019/NQ-HĐQT	26/06/2020	Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020	100%
7	10/2020/NQ-HĐQT	04/08/2020	Chuyển nhượng Công ty TNHH Huệ Minh	100%
8	11/2020/NQ-HĐQT	04/08/2020	Thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT	100%
9	17/2020/NQ-HĐQT	17/09/2020	Triển khai phát hành cổ phiếu ESOP	100%
10	18/2020/NQ-HĐQT	17/09/2020	Triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức	100%
11	21/2020/NQ-HĐQT	05/11/2020	Thông qua kết quả phát hành, đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu trả cổ tức	100%
12	24/2020/NQ-HĐQT	09/12/2020	Thông qua kết quả phát hành, đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu ESOP	100%
13	29/2020/NQ-HĐQT	22/12/2020	Thông qua đơn xin nghỉ việc của ông Ngô Trọng Nghĩa- Phó Tổng Giám đốc	100%

BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY 2020

- » Thực hiện tách biệt vai trò Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc nhằm tăng tính độc lập và hiệu quả trong giám sát và định hướng hoạt động của Công ty.
- » Ngày 29/05/2020, tại ĐHCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua nội dung thay đổi cơ cấu quản lý công ty theo mô hình không có Ban kiểm soát. Để cụ thể hóa chủ trương này, HĐQT đã có cuộc họp và ra Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 04/08/2020 nhằm thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.
- » Tiếp tục quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.
- » Liên tục cập nhật và tìm phương pháp áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý và hoạt động của Công ty.
- » Đảm bảo việc sử dụng dòng tiền hợp lý cho các hoạt động SXKD và đầu tư để không làm tổn hại lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.
- » Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Công ty. Ngoài ra, công tác hỗ trợ các địa phương cũng được thực hiện đầy đủ, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- » Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, cũng như các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động SXKD của BIMICO đều được công bố đúng thời hạn quy định tại trang web Công ty nhằm gia tăng tính minh bạch trong hoạt động của công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- » Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020.
- » Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2019.
- » Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.
- » Giám sát tiến độ thực hiện các đầu tư theo Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT.
- » Phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản.
- » Triển khai mua lại cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ.
- » Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020.
- » Triển khai phát hành và thông qua kết quả việc phát hành cổ phiếu ESOP.
- » Triển khai phát hành và thông qua kết quả việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TGD NĂM 2020

Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, và các Nghị quyết của ĐHCĐ cũng như Quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ngoài ra, Ban Điều hành đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động đầu tư, SXKD, và tích cực đóng góp ý kiến giúp HĐQT có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế.

HĐQT đề cao các hoạt động của Ban Điều hành trong năm như sau:

- » Trong bối cảnh đối diện với nhiều khó khăn từ thị trường, Ban Tổng Giám đốc vẫn nỗ lực hoàn thành kế hoạch đề ra cho năm 2020.
- » Phối hợp tích cực cùng HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, hoạt động của nền kinh tế bị ngưng trệ nhưng BIMICO tiếp tục có một năm thành công. Doanh thu thuần năm 2020 đạt hơn 1.322 tỷ đồng, tăng 0,64% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế duy trì ở mức cao 401,95 tỷ đồng, đạt 100,5% so với kế hoạch 400 tỷ đồng của ĐHCĐ. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 327,76 tỷ đồng, vượt 102,4% kế hoạch do ĐHCĐ giao phó.

BIMICO tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng; được trao tặng Giải thưởng Top 10 Báo cáo Thường niên Tốt nhất Mid Cap – Giải thưởng Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam năm 2020 và Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – ASEAN +3

Trong xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, BIMICO ngày càng đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực bất động sản công nghiệp, đặc biệt, Khu công nghiệp KSB (KSIP) do BIMICO làm chủ đầu tư đã không ngừng phát triển, đóng góp đáng kể vào quá trình phát triển của địa phương, trở thành điểm đến lý tưởng của các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước... kết nối cùng các đối tác, định chế tài chính khu vực Asean, Asean +3



và toàn cầu để tăng cường sự hợp tác kinh doanh và góp sức cho hành trình hội nhập kinh tế của Việt Nam.

Bên cạnh việc đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, chăm lo tốt đời sống người lao động, Bimico còn tham gia tích cực chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước một cách thường xuyên và thiết thực qua các chương trình bao gồm hỗ trợ Quỹ vì người nghèo; Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương; Quỹ khuyến học; nạn nhân chất độc da cam; hỗ trợ chính sách xã hội các địa phương; nuôi dưỡng suốt đời 4 mẹ Việt Nam anh hùng; thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ cùng nhiều chương trình từ thiện xã hội khác... Bên cạnh đó, đến nay Quỹ từ thiện xã hội của công ty BIMICO đã xây dựng và tích lũy được trên 6 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Kinh tế thế giới trải qua một năm khủng hoảng, triển vọng phục hồi năm 2021 sáng sủa

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lan rộng đã đẩy thế giới rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội toàn diện trong năm 2020. Bên cạnh thiệt hại lớn về người với hàng trăm triệu ca nhiễm và hàng triệu ca tử vong, đại dịch còn gây gián đoạn chuỗi cung ứng, nhiều doanh nghiệp phá sản, các ngành hàng không và du lịch, vận tải... ngưng trệ hoạt động.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ước tính tăng trưởng toàn cầu trong năm 2020 đã giảm 4,4%, khi các nền kinh tế lớn đều tăng trưởng âm. Duy chỉ có Trung Quốc tăng trưởng kinh tế năm 2020 đạt mức dương 2,1% nhờ khống chế thành công đại dịch và hồi phục trở lại sớm hơn các nước khác.

Với tiến độ phát triển và tìm kiếm vaccine tích cực, kinh tế thế giới càng về cuối năm 2020 đã cho thấy tín hiệu phục hồi. Tâm lý người tiêu dùng cải thiện, đồng thời các ngân hàng trung ương, chính phủ đang thực hiện hàng loạt biện pháp kích thích kinh tế mạnh mẽ; đặc biệt là chính sách nới lỏng về cả tài khóa, đầu tư công lẫn tiền tệ.

Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư quốc tế, bất động sản công nghiệp tăng trưởng nóng

Nhờ các chính sách đúng đắn, Việt Nam đã trở thành gương điển hình trong phòng chống dịch bệnh, đồng thời thực hiện thành công mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 của Việt Nam tăng 2,91%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%. Cụ thể hơn, khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2020 tăng 3,36% so với năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%, khai khoáng giảm 5,62% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 12,6% và khí đốt tự nhiên giảm 11,5%).



Bình quân năm 2020 CPI tăng 3,23% so với năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%; lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Tổng vốn FDI vào Việt Nam tính đến cuối năm 2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, chỉ giảm 2% so với năm trước; cho thấy dòng vốn FDI tiếp tục duy trì xu hướng đổ vào Việt Nam, đặc biệt sau khi dịch bệnh được khống chế.

Trước nhu cầu dịch chuyển dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục rất mạnh, thị trường bất động sản công nghiệp tăng rất cao về cuối năm 2020 và đầu năm 2021. Nhu cầu bất động sản công nghiệp cũng như hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh là những chất xúc tác quan trọng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của BIMICO trong năm 2021.



TRIỂN VỌNG NGÀNH

Nhu cầu về xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng giao thông tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, và tiếp tục tăng trong vòng 10 năm tới nhờ vào xu hướng đô thị hóa đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Việt Nam đang phát triển với tốc độ nhanh, trong đó đầu tư cơ sở hạ tầng luôn được xem là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ. Ngoài ra, Chính phủ cũng đang thực hiện chính sách kích thích kinh tế thông qua đầu tư công, và nhiều dự án cơ sở hạ tầng sẽ được đẩy mạnh hơn nữa trong năm 2021; qua đó thúc đẩy nhu cầu đối với mảng cung cấp vật liệu xây dựng.

Xây dựng công nghiệp tiếp đà tăng trưởng, trước bối cảnh quỹ đất nội đô ngày càng thu hẹp, cạnh tranh xây dựng các dự án nhà ở ngày càng khốc liệt hơn, trong khi Việt Nam có tiềm năng trở thành trung tâm công nghiệp mới của khu vực Đông Nam Á. Tăng trưởng trong phân khúc xây dựng công nghiệp được hỗ trợ bởi 2 yếu tố: nguồn vốn FDI ổn định và làn sóng dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam.

Xây dựng khu dân cư thông minh, tòa nhà thông minh, căn hộ thông minh, sử dụng vật liệu xây dựng mới - vật liệu xây dựng xanh được đề cao. Việc Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh bền vững hướng đến năm 2030 sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp xây dựng - vật liệu xây dựng nghiên cứu sâu hơn và ứng dụng những thành tựu công nghệ mới nhất một cách chuyên nghiệp để tạo ra các công trình thông minh, từ đó nâng cao chất lượng cũng như trình độ của mình.

Hoạt động sản xuất công nghiệp mở rộng, thúc đẩy nhu cầu khu công nghiệp. Hoạt động sản xuất công nghiệp của khối doanh nghiệp trong nước đang được mở rộng kết hợp với doanh nghiệp FDI giúp nhu cầu thuê đất khu công nghiệp tăng cao, đặc biệt là ở khu vực kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, cũng là địa bàn hoạt động chính của BIMICO.

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

PHÂN TÍCH SWOT



ĐIỂM MẠNH

- » Chất lượng sản phẩm đá xây dựng được đánh giá cao, đặc biệt là vật liệu xây dựng cao cấp như đá ly tâm, cát nhân tạo.
- » Uy tín thương hiệu trong hơn 25 năm hoạt động.
- » Có 3 mỏ đá xây dựng tại những vị trí đặc địa, gần các khu vực đang phát triển, các khu đô thị, khu công nghiệp và các thành phố của Đông Nam Bộ.
- » Công nghệ sản xuất tiên tiến và luôn được cập nhật, đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và năng suất.
- » Sở hữu bất động sản công nghiệp lớn trong khu vực, có vị trí thuận lợi cho các hoạt động sản xuất và giao thương, hệ thống hạ tầng cơ sở được đầu tư xây dựng hiện đại.

ĐIỂM YẾU

- » Mỏ đá Tân Đông Hiệp hết hạn khai thác sẽ ảnh hưởng đến sản lượng của BIMICO trong thời gian tới.
- » Tăng cường quản lý về môi trường, gia tăng nhu cầu về vật liệu xanh ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của BIMICO.

CƠ HỘI

- » Theo Moody's, ngành công nghiệp xây dựng của Việt Nam được dự báo tăng 8,2% trong giai đoạn 2017-2021.
- » Đông Nam Bộ là khu vực được dự báo tăng trưởng năng động nhất cả nước, và cũng là khu vực hoạt động chính của BIMICO.
- » Xu hướng đô thị hóa và nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng của Chính phủ ngày càng gia tăng, mang đến cơ hội tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho các doanh nghiệp ngành xây dựng – vật liệu xây dựng nói chung và BIMICO nói riêng.
- » Làn sóng dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung đã và đang tạo cơ hội phát triển cho mảng cho thuê bất động sản khu công nghiệp. Đây là một trong những lĩnh vực kinh doanh được BIMICO chú trọng trong những năm qua.

THÁCH THỨC

- » Dưới ảnh hưởng biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, nhu cầu về vật liệu xây dựng mới và xu hướng vật liệu xây dựng xanh đã và đang được đề cao. Điều này đặt ra thách thức về R&D, công nghệ kỹ thuật, và nguồn nhân lực chất lượng cao cho BIMICO và các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng.

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

Dựa trên phân tích triển vọng kinh tế, triển vọng ngành và điểm mạnh-điểm yếu, thách thức-cơ hội, BIMICO xác định chiến lược phát triển và mục tiêu của công ty trong trung dài hạn như sau:

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- 1 Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của Công ty.
- 2 Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới.
- 3 Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...
- 4 Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.
- 5 Giữ vững vị thế của công ty trên thị trường, sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- 6 Công ty tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
- 7 Thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

1

Sản xuất vật liệu xây dựng nguyên liệu chủ yếu từ khoáng sản, bằng công nghệ hiện đại, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2

Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư phục vụ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhu cầu của người dân.

3

Khai thác các nguồn lực, tiềm năng hiện có: quỹ đất, cơ sở hạ tầng của mỏ sau cải tạo phục hồi môi trường để kinh doanh dịch vụ tạo nguồn thu mới.

4



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

VỚI HOẠT ĐỘNG CHÍNH LÀ KHAI KHOÁNG, CÓ ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, CÔNG TY LUÔN Ý THỨC ĐƯỢC VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI. SAU ĐÂY LÀ MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI:

○ ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hoá các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực. Đồng thời, BIMICO luôn cẩn thận trong việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác...

○ ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

- » Bảo vệ sức khoẻ và an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- » Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- » Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của mình.

BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ngày 29/05/2020, tại ĐHCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua nội dung thay đổi cơ cấu quản lý công ty theo mô hình không có Ban kiểm soát. Ngày 04/08/2020, HĐQT đã có cuộc họp và ra Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐQT nhằm thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Stt	Thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Nguyên Bình	Trưởng ban	04/08/2020	2/2	100%	
2	Lê Đình Vũ Long	Phó ban	15/10/2020	2/2	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

- » Đánh giá việc tuân thủ các quy trình, chính sách pháp luật, điều lệ, quy chế và các quy định, quyết định...
- » Kiểm tra, xem xét tính tuân thủ các chính sách và quy trình kế toán cũng như việc đánh giá tính chính xác của các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.
- » Tham mưu cho Hội đồng quản trị thiết lập, điều chỉnh, bổ sung các chính sách và quy trình quản trị nội bộ phù hợp với chính sách pháp luật và điều kiện hoạt động hiện hành.
- » Đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm soát đảm bảo an toàn vốn và tài sản của công ty.
- » Đánh giá việc vận hành, sức khỏe, chiến lược của Công ty thông qua các thông tin tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Kiểm toán nội bộ các đơn vị, bộ phận trực thuộc công ty
- » Giám sát triển khai kết quả, thực hiện khuyến nghị của kiểm toán.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- 1 HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.
- 2 Tiểu ban Kiểm toán nội bộ có những hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời về các quy định mới cũng như có những ý kiến đóng góp trong các quy trình liên quan đến quản trị công ty.
- 3 Tiểu ban Kiểm toán nội bộ cùng với phòng Tài chính - Kế toán phối hợp làm việc với công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam thực hiện báo cáo soát xét báo cáo tài chính năm 2020.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò tham mưu, chất vấn và giám sát các hoạt động quản trị công ty, hoạt động của HĐQT và Ban TGD, đóng góp vào sự cải thiện hiệu quả hoạt động quản trị và hoạt động SXKD nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch và bảo vệ cho quyền lợi cổ đông kể cả cổ đông thiểu số.

Hiện HĐQT BIMICO có 2 thành viên HĐQT độc lập, nhằm tăng cường khả năng hoạt động của TV HĐQT độc lập, cũng như nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị.

TV HĐQT độc lập nhận thấy HĐQT đã tổ chức và hoạt động tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ, và Quy chế hoạt động của Công ty. Đồng thời, HĐQT cũng đưa ra các định hướng chiến lược và chỉ đạo điều hành kịp thời giúp BIMICO vượt qua môi trường kinh doanh khó khăn và đạt được mục tiêu đề ra. Ban TGD và HĐQT đã có sự phối hợp nhịp nhàng để có những quyết sách đúng đắn trong năm vừa qua.

Năm qua, HĐQT cũng đã thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ theo thông lệ tốt về Quản trị công ty. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao, giám sát hiệu quả.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHẦN TẠI NGÀY 31/12/2020

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

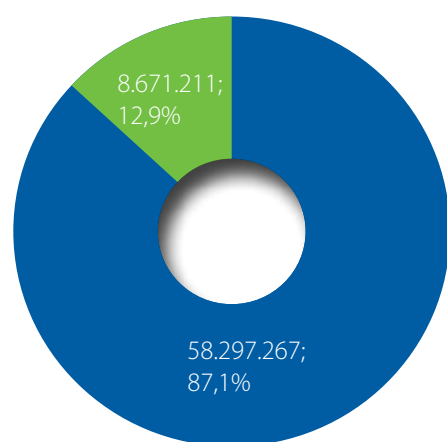
Tổng số cổ phiếu phát hành:

- » Số lượng cổ phần đang lưu hành: 669.684.780.000 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 669.684.780.000 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

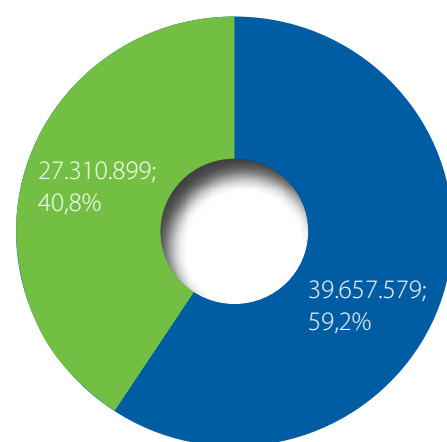
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2020

Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	6.721	58.297.267	87,1
Cá nhân	6.685	39.086.522	58,4
Tổ chức	36	19.210.745	28,7
Cổ đông nước ngoài	101	8.671.211	12,9
Cá nhân	71	571.057	0,9
Tổ chức	30	8.100.154	12
Tổng cộng	6.822	66.968.478	100
Cá nhân	6.756	39.657.579	59,2
Tổ chức	66	27.310.899	40,8

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2020



Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2020



■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài

■ Cổ đông cá nhân ■ Cổ đông tổ chức

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Ý THỨC ĐƯỢC TÂM QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN, HĐQT VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY LUÔN CHỈ ĐẠO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH VÀ UBCKNN, CHI TRẢ CỔ TỨC THEO ĐÚNG CAM KẾT, QUY TRÌNH THỦ TỤC LUÔN ĐƯỢC TUÂN THỦ MỘT CÁCH TUYỆT ĐỐI.

BIMICO luôn thể hiện sự tôn trọng với các bên liên quan thông qua hoạt động công bố thông tin về hoạt động kinh doanh, quản trị công ty một cách minh bạch, kịp thời, tuân thủ quy định của cơ quan chức năng, đồng

thời thực hiện gặp gỡ nhà đầu tư, chuyên viên phân tích nhằm phục vụ nhu cầu thông tin của các đối tượng này.

Năm 2020, BIMICO đã được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp niêm yết vốn hóa vừa có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất, trong cuộc Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2020 do Sở GDCK TP.HCM, Sở GDCK Hà Nội, Báo Đầu tư và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức. Quá trình làm báo cáo thường niên cũng là đợt Covid-19 đầu tiên xuất hiện, thực hiện giãn cách xã hội. Điều này cho thấy sự vượt trội của BIMICO trong mùa giải năm nay và là minh chứng cho việc thông tin minh bạch, đầy đủ, cầu thị của Công ty đối với người đọc, cổ đông, đối tác, nhà đầu tư cũng như các bên liên quan.

QUẢN TRỊ RỦI RO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA BIMICO ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ TRÊN PHẠM VI TOÀN CÔNG TY. CÁC RỦI RO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN, CHỦ TRÌ THỰC HIỆN Ở CẤP LÃNH ĐẠO CAO NHẤT DỰA TRÊN CÁC BÁO CÁO CHI TIẾT CỦA TẤT CẢ PHÒNG BAN, BỘ PHẬN.

TỪ CÁC RỦI RO VÀ MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC SẼ TRỰC TIẾP ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên vật liệu tăng, giá dầu, năng lượng... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp xây dựng, khai khoáng nói riêng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường trong tương lai, đặc biệt đối với doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn trong tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế quốc tế, do đó nhiều văn bản pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp), chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng Khoán), Thuế (Thu nhập Doanh nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) và các luật khác đã và đang được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Do đặc thù ngành nghề của Công ty nên doanh thu của BIMICO phụ thuộc lớn vào mảng khai thác và chế biến khoáng sản. Gần 90% doanh thu của BIMICO đến từ hoạt động khai thác và chế biến các loại đá ở các mỏ Phước Vĩnh và Tân Mỹ. Đồng thời, bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản cũng có những tác động đến môi trường và dân cư (vận chuyển làm hỏng đường, nổ mìn gây sạt lún, hư hỏng các công trình xây dựng của người dân...) có thể làm gián đoạn hoạt động khai thác, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương. Các ngành nghề còn lại đang hoạt động với tính chất nhỏ lẻ, chiếm thị phần nhỏ và khả năng cạnh tranh còn yếu trên thị trường. Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc quản trị tài nguyên của quốc gia nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Việt Nam vẫn luôn nằm trong danh sách các nước có chỉ số quản trị tài nguyên tương đối thấp, dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động kém hiệu quả.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Trong tình trạng trữ lượng tài nguyên khai thác không tái tạo được ngày càng sụt giảm, cộng với đó là sự hạn chế trong việc quản trị tài nguyên môi trường dẫn đến những khó khăn đặc trưng cho Công ty. Ngoài ra, các yếu tố về trữ lượng, hàm lượng khoáng, chất lượng khoáng sản khai thác... cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO ĐẦU RA

Trong lịch sử, giá của khoáng sản đã giảm từ 2-4 lần vào thời kỳ khủng hoảng. Điều này cho thấy ngành khoáng sản rất nhạy cảm với hiện trạng của nền kinh tế.

RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Hầu hết các mỏ đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của dư luận.

RỦI RO CẠNH TRANH TRONG NỘI BỘ NGÀNH

Hiện nay cả nước có khoảng 2.000 điểm khai thác – chế biến khoáng sản có đăng ký hợp pháp, bên cạnh hàng trăm nghìn cơ sở khai thác bất hợp pháp khác cùng cạnh tranh với nhau. Cạnh tranh chủ yếu giữa các doanh nghiệp cùng khai thác một loại khoáng sản là cạnh tranh về giá, cạnh tranh về hàm lượng khoáng sản tinh chế, cạnh tranh trong việc xin cấp phép mỏ.

RỦI RO TRONG VIỆC THĂM DÒ, KHAI THÁC

Một đặc thù của ngành Khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí, nhiều thời gian (2-3 năm), nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí sẽ là rất lớn. Bên cạnh đó, việc được cấp phép thăm dò và khai thác các mỏ mới được áp dụng theo hình thức đấu thầu, do vậy chi phí ban đầu càng bị đẩy lên cao.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Hàng năm, Công ty luôn có chính sách mua bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn. Mức bảo hiểm đủ để Công ty không bị thiệt hại khi có sự cố bất khả kháng xảy ra.

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY, THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Stt.	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đặng Quang Thung	45.010	0,08%	22.500	0,04%	Bán
2	Đặng Quang Thung	22.500	0,04%	61.500	0,09%	CP ESOP và thưởng
3	Nguyễn Quốc Phòng	72.000	0,13%	36.000	0,07%	Bán
4	Nguyễn Quốc Phòng	36.000	0,07%	170.400	0,26%	CP ESOP và thưởng
5	Nguyễn Văn Đông	15.000	0,03%	7.500	0,015%	Bán
6	Nguyễn Văn Đông	7.500	0,015%	150.500	0,22%	CP ESOP và thưởng
7	Phan Tấn Đạt	1.167.000	2,18%	2.167.000	4,05%	Mua
8	Phan Tấn Đạt	2.167.000	4,05%	2.750.400	4,11%	CP ESOP và thưởng
9	Trần Đình Hà	88.331	0,17%	177.331	0,33%	Mua
10	Trần Đình Hà	177.331	0,33%	362.797	0,54%	CP ESOP và thưởng



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- 56 Kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020
- 58 Tình hình đất đai và đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh
- 59 Phân tích tình hình tài chính
- 70 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Stt	Tên mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng nguyên khối (m ³)		Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020		
			Cấp phép	Còn lại	Khai thác (m ³)	Doanh thu (Đồng)	Lợi nhuận trước thuế (đồng)
I	CÁC MỎ ĐÁ	105,40	42.927.696	10.474.997	4.190.152	653.284.945.699	193.768.291.702
	Mỏ đá Tân Đông Hiệp (Giấy phép số 81/GP-UBND ngày 04/09/2018).	22,82	4.683.716	1.463.392	1.082.125	235.867.679.781	86.692.081.456
	Mỏ đá Phước Vĩnh (Giấy phép số 137/GP-UBND ngày 13/07/2017)	29,62	10.627.089	2.891.760	1.622.837	238.540.780.734	58.524.977.605
	Mỏ đá Tân Mỹ (Giấy phép số 134/GP-UBND ngày 28/08/2015).	40,96	22.326.387	1.770.937	1.075.797	112.863.278.340	33.074.562.940
	Mỏ đá Thiện Tân 7 (HTX Thăng Long) (Giấy phép số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016)	12	5.290.504	4.348.908	409.393	66.013.206.844	15.476.669.701
II	MỎ SÉT PHƯỚC HÒA (Giấy phép số 162/GP-UBND ngày 29/09/2015).	11,72	1.488.532	1.159.125	240.023	21.823.887.291	6.955.012.758
I	CÁC MỎ CAO LẠNH:	88	9.172.101	7.694.883	33.000	20.465.036.313	558.220.419
	Mỏ cao lanh Tân Lập (Giấy phép số 2453/QĐ-ĐCKS ngày 19/10/1999).	24	1.248.016			7.246.582.998	137.168.596
	Mỏ cao lanh (Giấy phép số 386/GP-BTNMT ngày 07/03/2011).	64	7.924.085	7.694.883	33.000	13.218.453.315	421.051.823
TỔNG CỘNG		205,11				695.573.869.303	201.281.524.879

SẢN XUẤT CỐNG BÊ TÔNG

Stt	Tên đơn vị	Đvt	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020		
			Thực hiện	Doanh thu (Đồng)	Lợi nhuận trước thuế (đồng)
1	Xí nghiệp SX Cống Bê tông	Mét	72.202	36.587.713.229	4.019.891.313

CÔNG TY TNHH KSB IDC (KCN) VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Stt	Công tác đền bù mở rộng	Đvt	Khu A	Khu B	Cộng
1.1	Tổng diện tích mở rộng	m²	844.900	451.900	1.296.800
	Đã đền bù	m ²	743.398	365.983	1.109.380,40
	Còn phải đền bù	m ²	101.502	85.917	187.419,60
	Tiến độ đã đền bù	%	88%	81%	86%
1.2	Số tiền	đồng	263.174.159.225	184.582.058.158	447.756.217.383
	Đã thanh toán	đồng	247.904.096.925	144.406.637.308	392.310.734.233
	Còn phải thanh toán	đồng	15.270.062.300	40.175.420.850	55.445.483.150
	Tiến độ tiền đã đền bù	%	94%	78%	88%
2	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020		Thực hiện	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế (đồng)
2.1	Công ty TNHH KSB IDC	ha	15,8	578.838.777.461	151.651.455.948
2.2	Các hoạt động khác			119.903.630.457	45.000.302.188

TÌNH HÌNH ĐẤT ĐAI VÀ ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐẤT ĐAI

Tính đến 31/12/2020 tổng quỹ đất của Công ty là 2.570.631 m², cụ thể tại các đơn vị đang quản lý và sử dụng như sau:

Stt	Nội dung	Diện tích đất (m ²)		
		Mỏ	Mặt bằng, sân công nghiệp, văn phòng	Cộng
1	XN KT & CB đá Tân Đông Hiệp	228.158,5	83.737,3	311.895,8
2	XN KT & CB đá Phước Vĩnh	193.412,6	363.274	556.686,6
3	Mỏ Tam Lập		390.450	390.450
4	XN KT & CB đá Tân Mỹ, bến thủy Tân Mỹ, (Không tính đường chung 2 Cty ra Bến thủy diện tích 4,02ha)	315.649,5	192.825,9	508.475,4
5	HTX DV VT KK Thăng Long	57.618	39.997,9	97.615,9
6	XN Cao lạnh Tân Thành		43.318,6	43.318,6
7	Mỏ Tân Lập	157.051,8	28.297,2	185.349
8	Cty Minh Long KSB	144.599	4.139	148.738
9	XN KT Sét Phước Hòa	92.824,9	167.661,7	260.486,6
10	Nhà máy gạch Bình Phú		43.463	43.463
11	Khu nhà ở công nhân		6.084,4	6.084,4
12	Văn phòng Công ty		18.067,7	18.067,7
TỔNG CỘNG		1.189.314,3	1.381.316,7	2.570.631

ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Tên dự án	Thực hiện năm 2020
I	Đầu tư máy móc, thiết bị:	14.807.076.533
1	- Đầu tư mới	5.778.870.100
2	- Sửa chữa máy móc thiết bị	9.028.206.433
II	Xây dựng cơ bản:	154.216.355
III	Mỏ khoáng sản, đất đai:	158.498.769.000
1	- Nhận chuyển nhượng 23,7 ha khu vực xã Tam Lập, huyện Phú Giáo	142.857.120.000
2	- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (19.985,8 m ²)	15.641.649.000
2.1	» Mỏ sét Bồ Lá (11.487,4 m ²)	5.020.609.000
2.2	» Tân Mỹ (3.587,4 m ²)	2.370.560.000
2.3	» Thiện Tân 7 (4.911 m ²)	8.250.480.000



**TỔNG GIÁ TRỊ
ĐÃ ĐẦU TƯ
TRONG NĂM
2020**

173,5
TỶ ĐỒNG

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2020 so với 2019 (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.094,06	1.168,99	1.313,99	1.322,46	0,64%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	659,89	598,45	673,12	719,34	6,87%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	434,17	570,55	640,87	603,11	-5,89%
Doanh thu hoạt động tài chính	15,19	21,52	32,14	63,01	96,03%
Chi phí tài chính	-	30,37	81,50	101,47	24,50%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	30,29	80,59	99,04	22,89%
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	-	(2,04)	(6,51)	(4,34)	-33,33%
Chi phí bán hàng	60,47	74,38	89,17	88,89	-0,31%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47,20	84,06	83,13	73,06	-12,12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	341,69	401,22	412,68	398,36	-3,47%
Thu nhập khác	13,53	25,33	20,65	21,20	2,68%
Chi phí khác	7,98	17,54	18,16	17,61	-3,02%
Lợi nhuận khác	5,55	7,79	2,49	3,59	44,24%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	347,24	409,01	415,18	401,95	-3,18%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	277,21	327,70	330,14	327,76	-0,72%

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

DOANH THU THUẦN

1.322,46

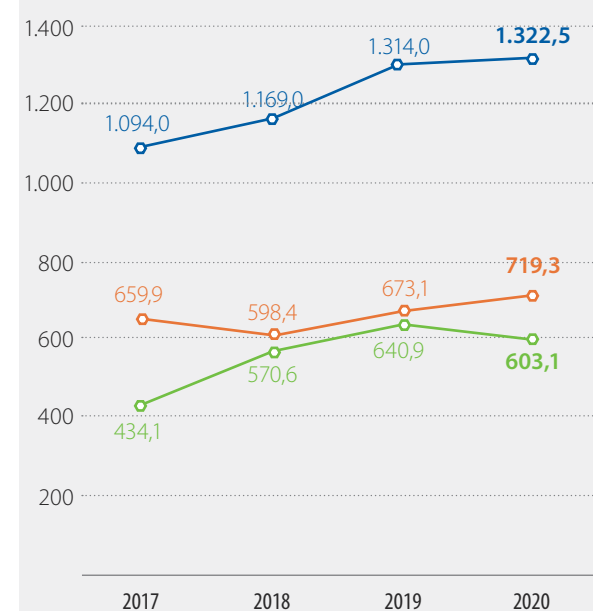
TỶ ĐỒNG

tăng trưởng 0,64%
so với năm trước

Bất chấp những hệ lụy do đại dịch Covid-19 gây ra, khiến nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, trong năm 2020, BIMICO tiếp tục duy trì doanh thu thuần ở mức cao 1.322,46 tỷ đồng, tăng trưởng 0,64% so với năm trước. Dù chỉ đạt 89,6% so với kế hoạch ĐHCĐ giao phó (1.476,4 tỷ đồng) nhưng đây là một điểm đáng khích lệ, chứng minh nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cũng như tập thể CBCNV toàn Công ty.

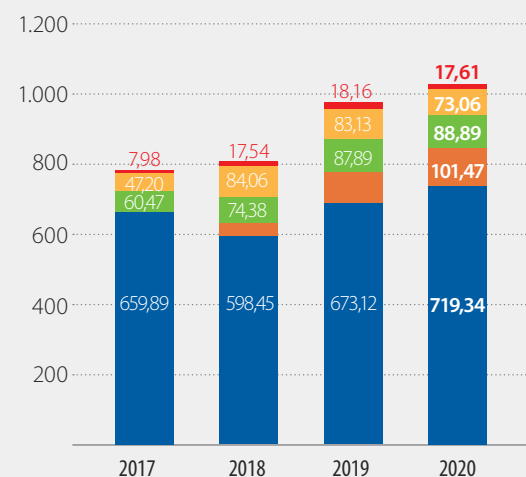
Lợi nhuận gộp đạt 603,11 tỷ đồng, giảm 5,89% so với năm 2019 do giá vốn tăng khá mạnh so với tốc độ tăng trưởng doanh thu, ở mức 6,87% lên 719,34 tỷ đồng.

BIẾN ĐỘNG DOANH THU - LỢI NHUẬN GỘP



—●— Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
—○— Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp
—○— Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

CẤU TRÚC CÁC LOẠI CHI PHÍ



■ Chi phí khác
■ Chi phí quản lý doanh nghiệp
■ Chi phí bán hàng
■ Chi phí tài chính
■ Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Trong khi đó, doanh thu tài chính chẳng hạn như lãi tiền gửi, cổ tức nhận được... trong năm 2020 tăng mạnh gần gấp đôi lên 63 tỷ đồng đã giúp hạn chế ảnh hưởng của khoản chi phí tài chính 101,47 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay chiếm hơn 99 tỷ đồng.



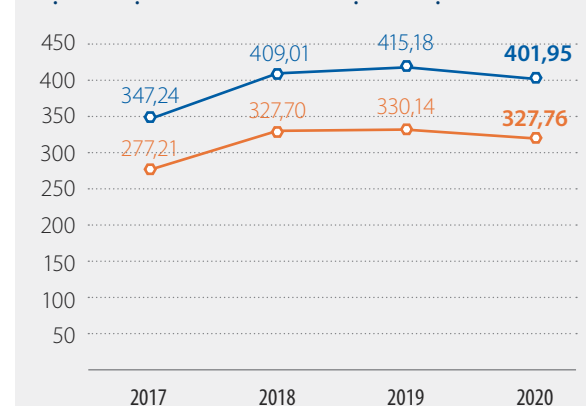
Chi phí/Doanh thu thuần

	2017	2018	2019	2020
Chi phí tài chính	0,0%	2,6%	6,2%	7,7%
Chi phí bán hàng	5,5%	6,4%	6,8%	6,7%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,3%	7,2%	6,3%	5,5%
Chi phí khác	0,7%	1,5%	1,4%	1,3%

Bên cạnh chi phí giá vốn hàng bán và chi phí tài chính, hai khoản chi phí khác chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của BIMICO là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đáng chú ý là cả hai khoản chi phí này đều được Công ty quản trị rất hiệu quả trong năm qua. Cụ thể, chi phí bán hàng được kéo giảm 0,31% xuống 88,89 tỷ đồng, trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp được cắt giảm mạnh mẽ 12,12% xuống 73 tỷ đồng so với mức gần 88 tỷ đồng trong năm 2019. Chúng ta cũng có thể thấy tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu đã được Công ty kéo giảm đáng kể, thể hiện sự hiệu quả đáng khích lệ trong điều hành.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ - LỢI NHUẬN SAU THUẾ



■ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
■ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2020 duy trì ở mức cao 401,95 tỷ đồng, chỉ giảm nhẹ 3,18% so với năm trước và đạt 100,5% so với kế hoạch 400 tỷ đồng của ĐHCĐ. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 327,76 tỷ đồng, cũng chỉ giảm nhẹ 0,72% so với năm trước và vượt 102,4% kế hoạch do ĐHCĐ giao.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2020/2019
Tổng tài sản	973,7	1.430,50	2.896,80	3.945,35	3.924,85	-0,5%
Tài sản ngắn hạn	354,3	693,3	1.750,30	2.352,95	2.382,52	1,3%
Tài sản dài hạn	619,4	737,3	1.146,50	1.592,41	1.542,33	-3,1%
Nợ phải trả	364,5	672,1	1.875,70	2.656,01	2.340,88	-11,9%
Nợ ngắn hạn	100,5	137,7	698,50	1.656,00	1.402,04	-15,3%
Nợ dài hạn	264	534,5	1.177,10	1.000,01	938,85	-6,1%
Vốn chủ sở hữu	609,2	758,4	1.021,10	1.289,34	1.583,97	22,9%

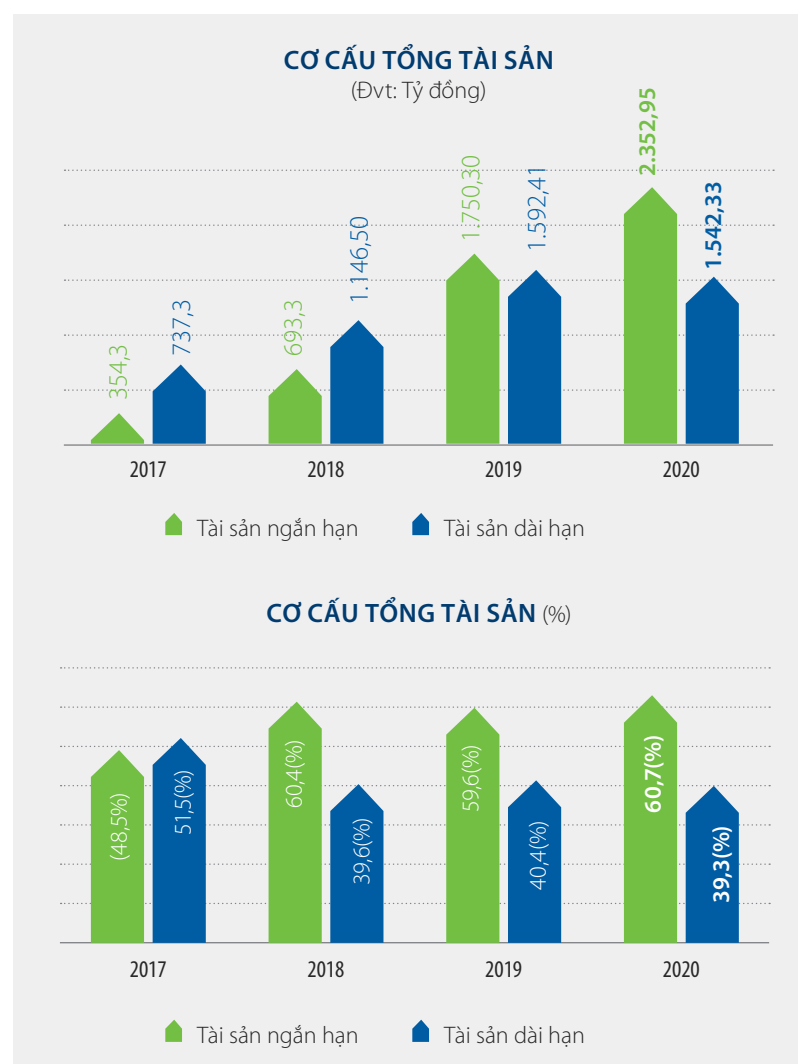
TỔNG TÀI SẢN

3.924,85

TỶ ĐỒNG

giảm nhẹ 0,5%
so với năm trước

Tổng tài sản của BIMICO đến cuối năm 2020 ghi nhận ở mức 3.924,85 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,5% so với năm trước. Trong đó chủ yếu do giảm tài sản dài hạn 3,1% xuống mức 1.542,33 tỷ đồng, trong khi tài sản ngắn hạn là 2.382,52 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,3% so với năm trước. Con số này đưa tài sản ngắn hạn chiếm 60,7% tổng tài sản, và tài sản dài hạn chiếm 39,3%.



TÀI SẢN NGẮN HẠN

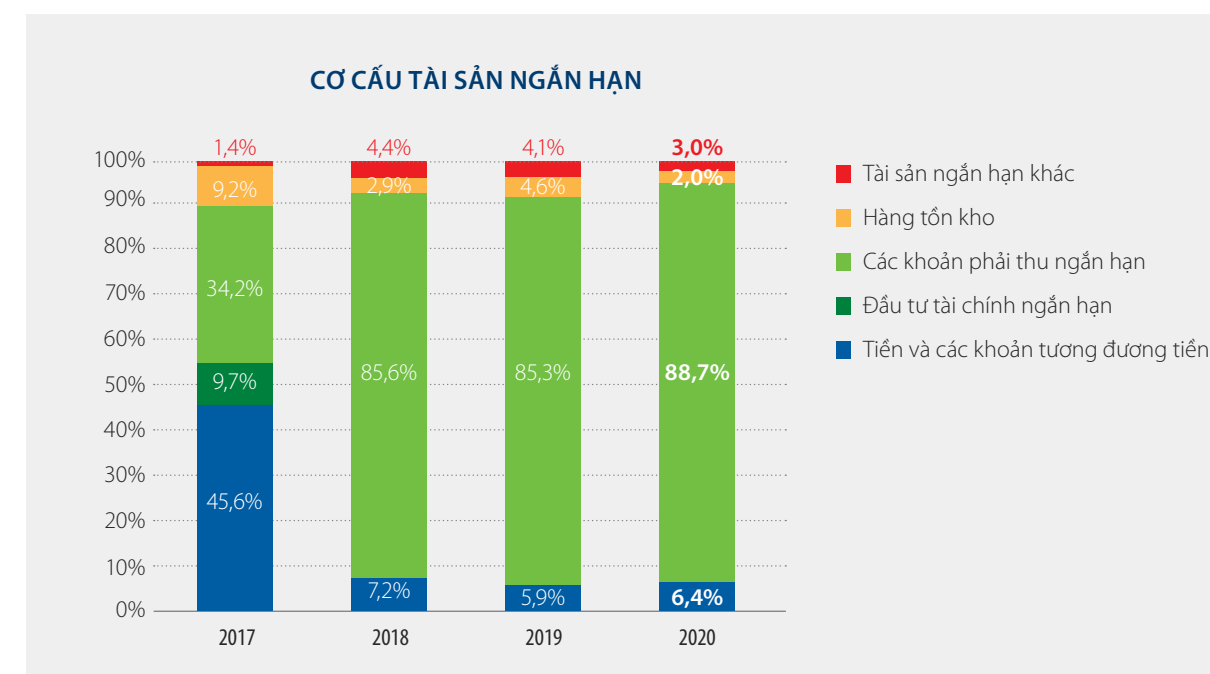
Chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn của Công ty là các khoản phải thu tổng cộng 2.112,65 tỷ đồng và chiếm 88,7% tài sản ngắn hạn; bao gồm 178 tỷ đồng phải thu khách hàng, 137 tỷ đồng phải thu cho vay và phải thu khác 1,853 tỷ đồng. Các khoản phải thu chỉ tăng nhẹ và khá an toàn khi dự phòng trích lập khó đòi chỉ ở mức 58,8 tỷ đồng, tức khoảng 2,7% tổng khoản phải thu.

Trong năm qua, Công ty duy trì khoản tiền mặt ở mức cao hơn so với các năm trước, chiếm 6,4% tài sản ngắn hạn với gần 152 tỷ đồng. Trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19, đây là bước đi cần thiết nhằm gia tăng sức mạnh tài chính của Công ty và cũng để nhằm tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường.

Hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác chỉ chiếm tổng cộng 4,9%, tương ứng ở mức 47,8 tỷ đồng và 70,48 tỷ đồng.



CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN	2017	2018	2019	2020
Tiền và các khoản tương đương tiền	45,6%	7,2%	5,9%	6,4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,7%	0,0%	0,0%	0,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	34,2%	85,6%	85,3%	88,7%
Hàng tồn kho	9,2%	2,9%	4,6%	2,0%
Tài sản ngắn hạn khác	1,4%	4,4%	4,1%	3,0%
Tổng cộng	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

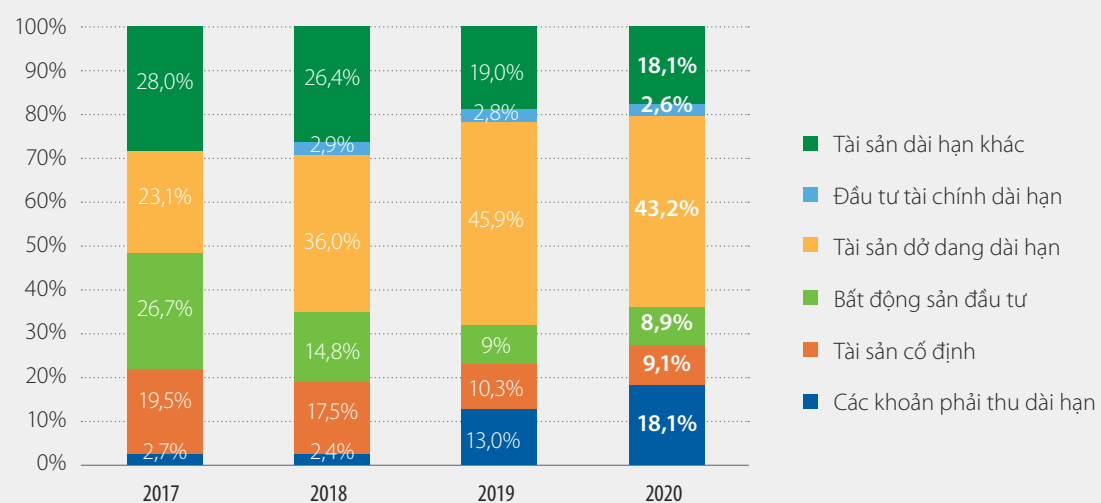
TÀI SẢN DÀI HẠN

Các khoản phải thu dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng khá trong tài sản dài hạn ở mức 18,1% với giá trị 279,32 tỷ đồng. Hạng mục tài sản dở dang dài hạn chiếm 43,2% với 666 tỷ đồng, là những khoản chi phí đầu tư quan trọng như chi phí đền bù và XD/CB KCN Đất Cốc, các mỏ đá Tam Lập, Phước Hòa, Tân Mỹ... là những nguồn doanh thu trọng yếu của Công ty trong tương lai.

Cơ cấu tài sản dài hạn

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020
Các khoản phải thu dài hạn	2,7%	2,4%	13,0%	18,1%
Tài sản cố định	19,5%	17,5%	10,3%	9,1%
Bất động sản đầu tư	26,7%	14,8%	9,0%	8,9%
Tài sản dở dang dài hạn	23,1%	36,0%	45,9%	43,2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0,0%	2,9%	2,8%	2,6%
Tài sản dài hạn khác	28,0%	26,4%	19,0%	18,1%
Tổng cộng	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN



CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Năm 2020, Công ty đã thực hiện cắt giảm nợ phải trả xuống còn 2.340,88 tỷ đồng, chiếm 59,6% tổng nguồn vốn. Đây là mức giảm khá mạnh so với con số 2.656 tỷ đồng trong năm 2019, giúp nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cải thiện hơn từ 32,7% lên mức 40,4% tổng nguồn vốn tài trợ.

NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả trong năm 2020 giảm ở cả khoản mục ngắn hạn lẫn dài hạn so với năm trước, tương ứng ở mức 1.402,04 tỷ đồng và 938,85 tỷ đồng. Đáng chú ý, Công ty đã đẩy mạnh tận dụng nguồn tín dụng phi lãi suất, trong khi hoàn trả các khoản vay có trả lãi. Cụ thể, các khoản vay ngắn hạn giảm mạnh 47,8% từ mức 668,47 tỷ đồng xuống chỉ còn 348,97 tỷ đồng.

Trong khi đó, nợ dài hạn cũng giảm tương đối mạnh 6,1% xuống 938,85 tỷ đồng từ mức 1.000 tỷ đồng của năm 2019.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nguồn vốn chủ sở hữu của BIMICO tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm qua với 22,9% lên mức 1.583,97 tỷ đồng. Trong đó, vốn góp của chủ sở hữu tăng 24,5% lên 669,69 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 20,4% lên 773,51 tỷ đồng.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.583,97
TỶ ĐỒNG

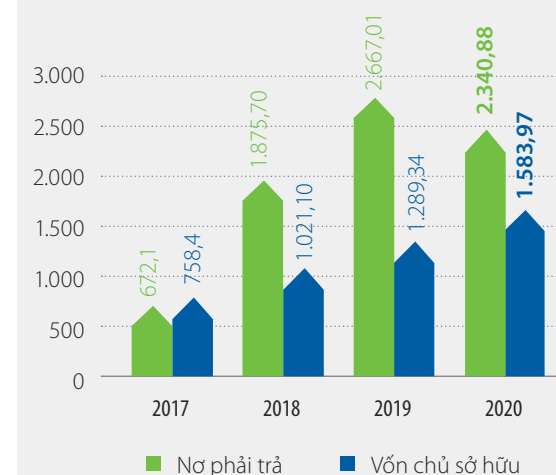
Tăng trưởng 22,9%

Cơ cấu nguồn vốn

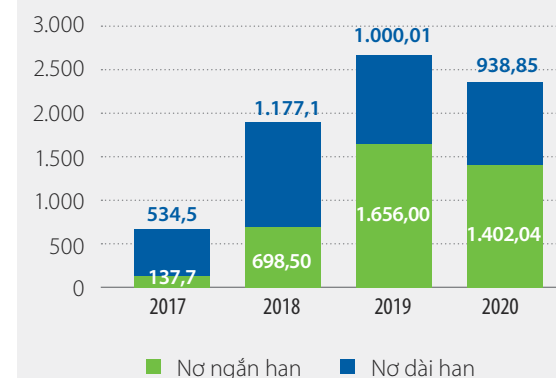
Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020
Nợ phải trả	47,0%	64,8%	67,3%	59,6%
Vốn chủ sở hữu	53,0%	35,2%	32,7%	40,4%



CƠ CẤU NGUỒN VỐN
(Đvt: Tỷ đồng)



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ
(Đvt: Tỷ đồng)



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	410,7	703,9	635,3	457,4
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(117,6)	(1,472,6)	(935,3)	(170,2)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(56,2)	577,8	314,2	(275,2)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	236,9	(190,9)	12,0	14,3
Tiền và tương đương tiền cuối năm	316,2	125,3	139,6	151,6

Mặc dù là một năm khó khăn do dịch bệnh và nền kinh tế trì trệ, nhưng Công ty tiếp tục duy trì dòng tiền hoạt động kinh doanh dương ở mức rất lớn 457,4 tỷ đồng. Trong khi đó, hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh và đầu tư vào đơn vị khác cũng hạn chế, giúp dòng tiền từ hoạt động đầu tư chỉ âm 170,2 tỷ đồng, so với mức âm 935,3 tỷ đồng của năm trước. BIMICO cũng đã chủ trương hoàn trả các khoản vay có lãi suất nên lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính âm 275,2 tỷ đồng, trong đó khoản hoàn trả nợ gốc vay lên tới 785,7 tỷ đồng.

Tiền và tương đương tiền cuối năm của Công ty đạt 151,6 tỷ đồng, tăng khá so với mức 139,6 tỷ đồng cuối năm trước. Đây là khoản dự trữ tiền mặt giúp Công ty chủ động nguồn thanh khoản trong trường hợp kinh tế diễn biến tiêu cực, và cũng giúp Công ty tận dụng các cơ hội đầu tư tiềm năng.



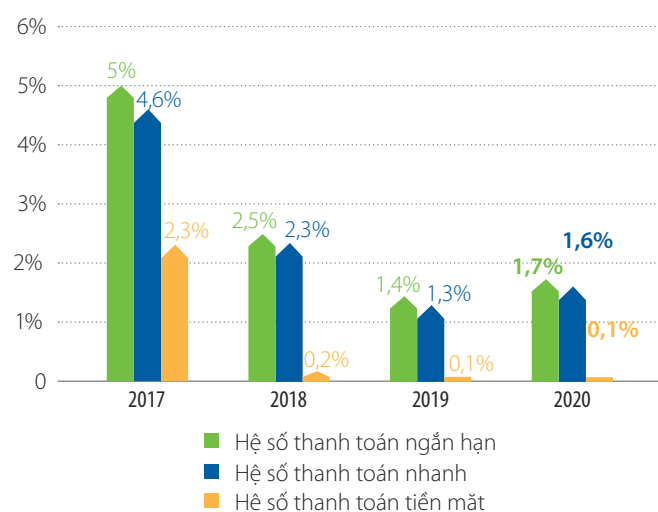
PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018	2019	2020
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	Lần	5,0	2,5	1,4	1,7
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,6	2,3	1,3	1,6
Hệ số thanh toán tiền mặt	Lần	2,3	0,2	0,1	0,1
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động					
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	35	48	51	48
Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	31	35	43	40
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	15	19	29	25
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,9	0,5	0,4	0,3
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời					
Hệ số lợi nhuận gộp	%	39,7	48,8	48,8	45,6
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	31,2	34,3	31,4	30,1
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	25,3	28,0	25,1	24,8
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	40,5	36,8	28,6	22,8
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	23,1	15,1	9,6	8,3
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	47	64,8	67,4	59,6
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	88,6	183,7	207,1	147,8

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Việc cắt giảm mạnh mẽ các khoản nợ vay và gia tăng trữ tiền mặt trong năm qua đã giúp chỉ số thanh khoản của Công ty cải thiện đáng kể so với năm trước. Điều này là phù hợp trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn và hoạt động kinh doanh bất động sản nói chung còn trì trệ. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành) tăng mạnh từ 1,4 lên 1,7 lần; trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,4 lên 1,6 lần.



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

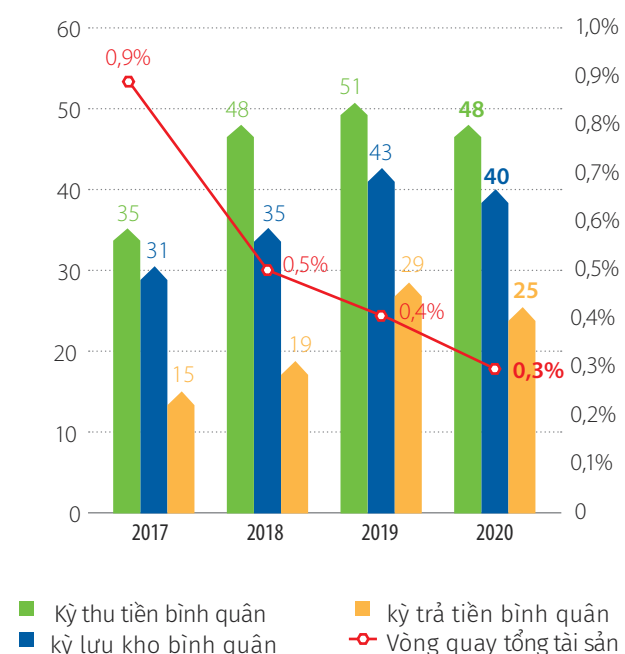
KỲ TRẢ TIỀN, THU TIỀN VÀ LƯU KHO BÌNH QUÂN

Kỳ thu tiền bình quân của BIMICO giảm khá mạnh từ 51 ngày năm 2019 xuống còn 48 ngày trong năm 2020 cho thấy nỗ lực quản lý công nợ đã phát huy hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp cần duy trì nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh như năm 2020.

Khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm mạnh từ 71,6 tỷ đồng xuống còn 25,5 tỷ đồng trong năm vừa qua khiến chỉ số Kỳ trả tiền bình quân giảm 4 ngày xuống còn trung bình 25 ngày trong năm 2020. Trong khi đó, Kỳ lưu kho bình quân của BIMICO đã giảm khá mạnh từ 43 ngày xuống còn 40 ngày.

VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN

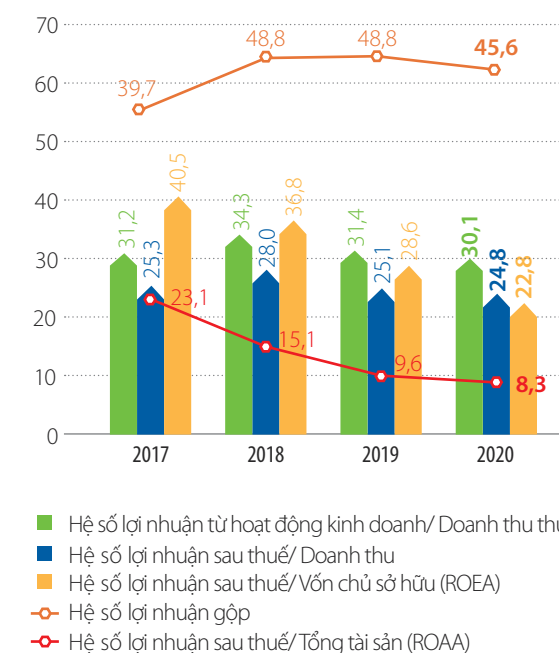
Doanh thu thuần và tổng tài sản của BIMICO trong năm qua duy trì mức biến động nhẹ, chỉ số Vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,4 xuống 0,3 lần.



KHẢ NĂNG SINH LỜI

Dù có giảm nhẹ so với năm trước, nhưng Công ty tiếp tục duy trì các chỉ số sinh lời ở mức cao so với các doanh nghiệp trong ngành và các doanh nghiệp khác trên thị trường. Tỷ suất lợi nhuận gộp đứng ở mức cao 45,6%, tỷ suất lợi nhuận hoạt động đạt 30,1% trong năm 2020. Đồng thời, tỷ suất lợi nhuận ròng ghi nhận ở mức 24,8%, giảm nhẹ so với mức 25,1% của năm trước.

Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tiếp tục đạt mức cao 22,8%, trong khi hệ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) ghi nhận ở mức 8,3%. Dù vậy, cả hai chỉ số đều có xu hướng giảm nhẹ so với các năm trước.



ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2020 mặc dù gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh chung bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh rất tích cực. Các chỉ tiêu chính: doanh thu, nộp thuế, lợi nhuận đều đạt cao và vượt kế hoạch. Việc làm và thu nhập của người lao động được bảo đảm.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình an sinh-xã hội. Công ty đã hỗ trợ các địa phương và người dân bị ảnh hưởng do hoạt động sản xuất của Công ty thông qua các hình thức: Ủng hộ bằng tiền, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vật liệu, khám sức khỏe, trao học bổng, phát quà,... với tổng số tiền là: 4.463.819.182 đồng.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

STT	Lĩnh vực sản xuất	Đvt	Kế hoạch năm 2021		
			Sản lượng	Doanh thu (đồng)	Lợi nhuận trước thuế (đồng)
1	Khai thác đá hộc	m ³	3.660.000	515.100.000.000	145.200.000.000
2	Khai thác sét	m ³	240.000	21.800.000.000	6.700.000.000
3	Chế biến cao lanh	đồng		21.000.000.000	-400.000.000
4	Sản xuất cống Bê tông	mét	65.000	35.800.000.000	4.000.000.000
5	Công ty TNHH KSB IDC	đồng		569.200.000.000	198.500.000.000
6	Doanh thu tài chính và các hoạt động khác			37.100.000.000	-4.000.000.000
TỔNG CỘNG			1.200.000.000.000	350.000.000.000	

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NĂM 2021

DOANH THU
1.200
TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ
350
TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN
SAU THUẾ
280
TỶ ĐỒNG

ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SXKD

ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Nội dung	Số tiền (Đồng)
1	Công tác mở	27.500.000.000
2	Công tác đất đai	143.000.000.000
2.1	Mỏ đá Tân Mỹ (25.000 m ²)	15.000.000.000
2.2	Mỏ sét Bồ Lá (41.490 m ²)	20.300.000.000
2.3	Cụm mỏ đá Phước Vinh-Tam Lập (142.000 m ²)	107.700.000.000
3	Máy móc thiết bị:	19.600.000.000
	Mua sắm mới	4.100.000.000
	Sửa chữa, thay thế, kiểm định	15.500.000.000
4	Công tác môi trường và quản lý chất lượng sản phẩm	5.000.000.000
TỔNG CỘNG		195.100.000.000

Dự án mở rộng đất kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng tại Công ty KSB IDC 995,3 tỷ đồng

Stt	Nội dung	Diện tích (ha)	Số tiền (Đồng)
I	Chi phí đền bù mở rộng (Giai đoạn 1 còn lại và Giai đoạn 2)	113,56	918.100.000.000
1	Chi phí đền bù Khu A	31,21	250.000.000.000
2	Chi phí đền bù Khu B	82,35	659.000.000.000
3	Chi phí thực hiện giải tỏa đền bù		9.100.000.000
II	Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng		29.000.000.000
III	Đầu tư về quản trị doanh nghiệp		200.000.000
IV	Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng và xử lý nước thải		48.000.000.000
TỔNG CỘNG			995.300.000.000

Tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2021: 1.190.400.000.000 đồng

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

- » Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
- » Nguồn vốn vay từ ngân hàng thương mại.

Trong quá trình thực hiện sẽ xem xét cụ thể và quyết định theo từng dự án.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 (tiếp theo)

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1

Sắp xếp lại nhân sự, đặc biệt là bộ phận quản lý theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, hiệu quả. Xây dựng quy chế trả lương phù hợp với công việc, đảm bảo tiền lương thực sự là động lực để người lao động cống hiến hết mình cho sự phát triển Công ty.

2

Lựa chọn loại hình, chương trình đào tạo thích hợp để người lao động tham gia học tập nâng cao kỹ năng, kiến thức. Hoàn thành tốt công việc được giao.

3

Công tác mỏ khoáng sản, đất đai:

- » Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các thủ tục để được cấp phép mở rộng, xuống sâu, nhận chuyển nhượng các mỏ khoáng sản đảm bảo khai thác đủ sản lượng theo kế hoạch.
- » Sử dụng hiệu quả quỹ đất của Công ty bao gồm diện tích đã đến bù nhưng chưa đưa vào khai thác khoáng sản và khu vực đã khai thác xong khoáng sản. Thường xuyên kiểm tra khống để bị lấn chiếm, tranh chấp.

4

Thực hiện tiết kiệm chi phí từ Văn phòng Công ty đến các đơn vị sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5

Tuân thủ các quy định của Pháp luật trong sản xuất kinh doanh, các cam kết về môi trường, an toàn lao động và ĐTM đã được phê duyệt.

6

Áp dụng công nghệ thông tin đồng bộ trong quản trị và điều hành sản xuất. Xử lý công việc nhanh chóng hiệu quả.



04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TÓM TẮT)

- 76 Mục tiêu chiến lược phát triển bền vững
- 80 Quản lý tác động đến môi trường
- 84 Việc làm và chính sách phúc lợi cho người lao động
- 88 Trách nhiệm cộng đồng địa phương
- 90 Đóng góp kinh tế



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÊN CẠNH HIỆU QUẢ KINH TẾ, THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CÁC NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ NƯỚC, NHÀ CUNG CẤP VỐN TÀI CHÍNH, BIMICO Ý THỨC RÕ, VỚI HOẠT ĐỘNG CHÍNH LÀ XÂY DỰNG, KHAI KHOÁNG, CÓ ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, CÔNG TY LUÔN CHÚ TRỌNG ĐẾN VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI. BIMICO LUÔN CHÚ TRỌNG VIỆC CÂN BẰNG GIỮA MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN LÂU DÀI CỦA DOANH NGHIỆP.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội được gắn kết vào chiến lược hoạt động của Công ty, cụ thể:

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hoá các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực.

Đồng thời, BIMICO luôn cẩn thận trong việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác...

ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

- » Bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- » Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- » Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của mình.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là yếu tố quan trọng trong chuỗi giá trị bền vững của BIMICO, là nguồn lực quan trọng giúp công ty thực hiện trách nhiệm với cổ đông và nhà đầu tư, môi trường, và xã hội cũng như cộng đồng. Việc chú trọng phát triển con người được xem là một phần quan trọng của BIMICO trong mục tiêu về trách nhiệm xã hội – một trong ba yếu tố cốt lõi của sự phát triển bền vững.

QUỸ ĐẤT QUY HOẠCH KHU CÔNG NGHIỆP

Dựa trên nhu cầu thực tế về đất công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất, và tiềm năng mang lại lợi nhuận trong tương lai, BIMICO đã quy hoạch đất thành khu công nghiệp. Việc quy hoạch khu công nghiệp sẽ đóng góp đáng kể cho việc hoàn thành trách nhiệm tăng trưởng kinh tế của BIMICO.

THIẾT BỊ KHAI THÁC CHẾ BIẾN

BIMICO đã mạnh dạn đầu tư và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nhằm nâng cao năng suất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

BIMICO có nguồn tài nguyên đá và kaolin được đánh giá cao về chất lượng và có trữ lượng lớn trong khu vực. Ngoài ra, BIMICO đã và đang phát triển nguồn tài nguyên mới để nâng cao năng suất nhằm góp phần hoàn thành trách nhiệm tăng trưởng kinh tế bền vững của Công ty.

Dưới đây, BIMICO xin trình bày tóm tắt nội dung Phát triển Bền vững năm 2020. Vui lòng tham khảo Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2020 được Công ty lập riêng biệt để có các thông tin chi tiết hơn.

QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG



CÁC CÔNG TÁC LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG LUÔN ĐƯỢC THỰC HIỆN NGAY TỪ GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN KHI THỰC HIỆN BẤT KỲ DỰ ÁN NÀO. ĐIỀU NÀY GIÚP BIMICO GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TỚI MÔI TRƯỜNG

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, hoạt động sản xuất kinh doanh của BIMICO sử dụng nhiều nguồn nguyên vật liệu đầu vào và gây ra tác động trực tiếp lên môi trường.

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép. Đối với các khu vực xung quanh, Công ty luôn có chủ trương không làm ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học đời sống sinh vật hoang dã, không tác động đến môi trường tự nhiên, không lạm dụng hoá chất độc hại, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực...

Bên cạnh đó, BIMICO đã chuyển dần từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, và tích cực xây dựng và cải tiến các cơ chế, chính sách liên quan đến bảo vệ, khai thác và sử dụng khoáng sản một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả cao hơn.

Các công tác liên quan đến môi trường luôn được thực hiện ngay từ giai đoạn đầu tiên khi thực hiện bất kỳ dự án nào. Điều này giúp BIMICO giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường, từ đó nâng cao trách nhiệm quản lý tài nguyên, cũng như giảm thiểu các rủi ro liên quan đến vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BIMICO LUÔN CHỦ TRƯỞNG TUÂN THỦ TUYỆT ĐỐI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY LUÔN ĐẢM BẢO TUÂN THỦ VỀ MẶT GIẤY PHÉP, QUY TRÌNH, THỦ TỤC THEO LUẬT ĐỊNH.

BIMICO luôn chủ trương tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật Nhà nước về bảo vệ môi trường. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ về mặt giấy phép, quy trình, thủ tục theo luật định. Toàn bộ nhà máy, xí nghiệp của BIMICO đều được thực hiện đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường trước khi hoạt động. Hoạt động đo đạc, giám sát môi trường được thực hiện định kỳ 1 quý/lần và báo cáo lên các cơ quan chức năng nhằm đảm bảo việc chấp hành nghiêm ngặt quy định của pháp luật về môi trường. Trong trường hợp có các yêu cầu khắc phục từ cơ quan chức năng, Công ty luôn thực hiện một cách nghiêm túc và thực hiện đúng các yêu cầu luật định.

Đối với bộ phận văn phòng, BIMICO thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi làm việc cho toàn thể CBCNV trong Công ty vì chỉ cần

mỗi cá nhân có hành động nhỏ sẽ tạo ra được đóng góp đáng kể cho công tác bảo vệ môi trường. Việc chung tay giữ gìn vệ sinh nơi làm việc sẽ giúp CBCNV bảo vệ sức khỏe và an toàn của chính mình và cũng là để bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty kiểm tra và thường xuyên nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cũng như kiểm tra chặt chẽ các hoạt động kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì và hiệu chuẩn máy móc định kỳ nhằm nâng cao hiệu suất, tuổi thọ của máy móc và đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

TRONG NĂM 2020, BIMICO KHÔNG CÓ VI PHẠM HAY BỊ PHẠT VÌ VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, BIMICO luôn có ý thức hạn chế sử dụng các nguồn năng lượng, nước... để vừa giảm thiểu chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh và giảm tiêu hao nguồn tài nguyên.

BIMICO tích cực truyền thông về vấn đề tiết kiệm năng lượng trong nội bộ Công ty nhằm nâng cao ý thức của mỗi CBCNV nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và góp phần giảm thiểu chi phí SXKD, nâng cao hiệu suất hoạt động. Ngoài ra, BIMICO còn khuyến khích CBNV đưa ra các sáng kiến, sáng tạo tiết kiệm năng lượng, và tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào SXKD để nâng cao hiệu suất cũng như giảm thiểu chi phí.

Lượng nhiên liệu/năng lượng tiêu thụ

Tên vật tư	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm (%)
Điện sử dụng	Kwh	21.332.934	19.043.972	-10,7%
Dầu DO	tấn	204,4	273,2	33,7%

Lượng điện tiêu thụ tại một số đơn vị tiêu biểu

Đơn vị tiêu thụ	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm (%)
Tân Đông Hiệp	Kwh	8.609.122	6.044.189	-29,8%
Phước Vĩnh	Kwh	7.233.400	7.676.500	6,1%
Tân Mỹ	Kwh	4.816.925	4.732.440	-1,8%
Tân Thành	Kwh		69.133	
Phước Hòa	Kwh		47.490	
Bê Tông	Kwh	206.430	212.720	3,0%
Văn phòng Công ty	Kwh	192.760	163.730	-15,1%
Nhà hàng	Kwh	153.740	97.770	-36,4%
TỔNG CỘNG	KWH	21.212.377	19.043.972	-10,2%



TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước đang sử dụng tại BIMICO được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương, và được sử dụng cho mục đích sinh hoạt và SXKD. Lượng nước tiêu thụ được tính theo tổng hóa đơn thanh toán tiền nước mỗi tháng và được tính trên tình trạng sản lượng sản xuất cụ thể trong tháng.

BIMICO đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và hồ chứa nước sau xử lý để tái sử dụng cho các mục đích khác như tưới cây, tưới đường để giảm thiểu bụi trong khuôn viên công ty thay cho nước máy. Với hoạt động này, BIMICO đã tiết kiệm được đáng kể lượng nước tiêu thụ và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên này.

Lượng nước sử dụng tại một số đơn vị tiêu biểu

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020	Tăng/giảm (%)
Tân Đông Hiệp	m ³	251.704	152.570	226.783	85.707	-62,2%
Phước Vĩnh	m ³	188.868	131.325	121.617	114.779	-5,6%
Tân Mỹ	m ³	171.644	163.180	150.447	121.505	-19,2%
Phước Hòa	m ³				129.023	
Minh Long	m ³				544	
Tân Lập	m ³				544	
TỔNG	M³	612.216	447.075	498.847	452.102	-9,4%

VIỆC LÀM VÀ CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN CỦA BIMICO 2020
359
NGƯỜI

ĐỐI VỚI BIMICO, CON NGƯỜI LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG, LÀ NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG GIÚP CÔNG TY THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ, MÔI TRƯỜNG, VÀ XÃ HỘI CŨNG NHƯ CỘNG ĐỒNG.

Đối với BIMICO, con người là yếu tố quan trọng trong chuỗi giá trị bền vững, là nguồn lực quan trọng giúp công ty thực hiện trách nhiệm với cổ đông và nhà đầu tư, môi trường, và xã hội cũng như cộng đồng. Vì vậy, các chính sách liên quan đến người lao động luôn được Công ty chú trọng trong những năm qua.

Công ty tạo dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, và đã xây dựng được một đội ngũ CBCNV có chuyên môn kỹ thuật, tay nghề cao và giàu nhiệt huyết, gắn bó lâu dài với Công ty.

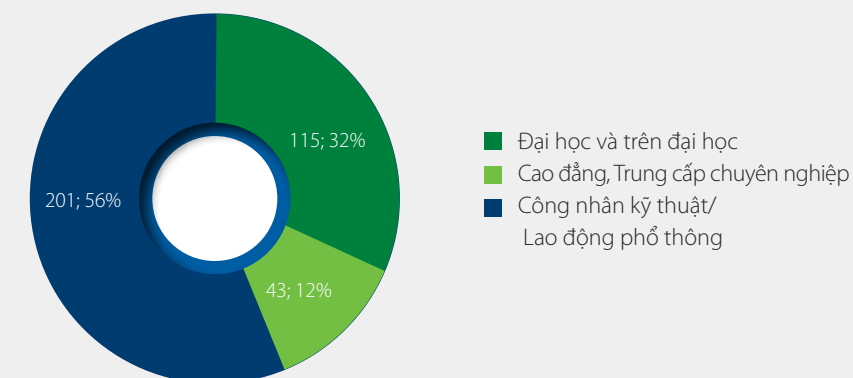
Đến năm 2020, tổng số nhân viên của BIMICO là 359 người; trong đó, số lao động đạt trình độ đại học trở lên là 115 người, chiếm 32%; lao động đạt trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp là 43 người, tương ứng tỷ lệ 12%; và 201

lao động là công nhân kỹ thuật/lao động phổ thông. Đối với một doanh nghiệp sản xuất quy mô lớn như BIMICO thì số lượng lao động công nhân kỹ thuật/lao động phổ thông chiếm tỷ trọng cao là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, có thể thấy tỷ lệ nhân sự có trình độ cao khá tích cực, tổng cộng có đến 44% lực lượng lao động có trình độ từ trung cấp trở lên. BIMICO đã cố gắng cân đối cơ cấu lao động theo thông lệ quản trị tốt, nhưng do đặc thù ngành nghề xây dựng và khai thác khoáng sản nên tỷ lệ lao động nữ chỉ chiếm 14,8% tổng số lao động.

Xét về độ tuổi, lao động của BIMICO chủ yếu có độ tuổi phân bố trong khoảng 30 tuổi – 50 tuổi với tỷ lệ 72,4%. Đây là độ tuổi chín về kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

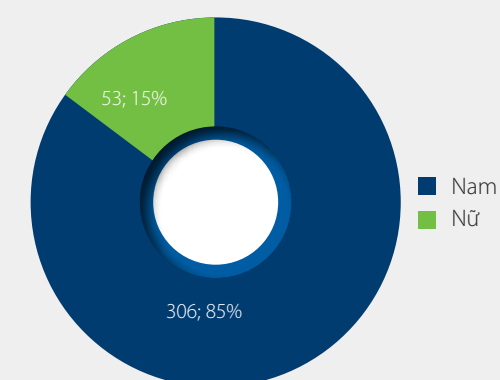
Cơ cấu lao động theo trình độ	2019		2020	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%/tổng số lao động)
Đại học và trên Đại học	119	29,2	115	32,0
Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	53	13	43	12,0
Công nhân kỹ thuật/Lao động phổ thông	235	57,7	201	56,0

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ NĂM 2020

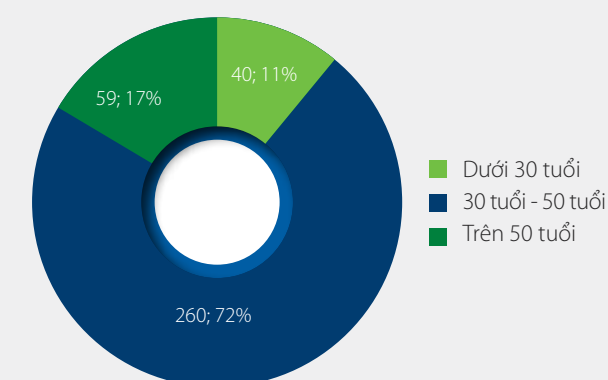


Cơ cấu lao động theo tiêu chí	2019		2020	
	Số lượng nhân viên	%/ tổng số nhân viên	Số lượng nhân viên	%/ tổng số lao động
Giới tính				
Nam	347	85,3	306	85,2
Nữ	60	14,7	53	14,8
Độ tuổi				
Dưới 30 tuổi	45	11,1	40	11,1
30 tuổi – 50 tuổi	285	70	260	72,4
Trên 50 tuổi	77	18,9	59	16,4

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH NĂM 2020



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI NĂM 2020



VIỆC LÀM VÀ CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ



Với tầm quan trọng của nguồn nhân lực, chính sách của BIMICO được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành ưu thế đặc biệt, giữ vai trò quyết định để thực hiện thành công những kế hoạch đã đề ra. Các chính sách nhân sự được xây dựng dựa trên các yêu cầu của pháp luật, đảm bảo sự minh bạch và tạo động lực cho CBCNV.

Hệ thống tiền lương được xây dựng căn cứ vào giá trị đóng góp của công việc, yêu cầu về trình độ, kỹ năng để đảm nhiệm

công việc đó đảm bảo mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh được với thị trường. Bên cạnh tiền lương hàng tháng, CBCNV còn được hưởng lương hiệu quả căn cứ vào kết quả thực hiện công việc.

Ngoài chính sách tiền lương, Công ty còn áp dụng chính sách khen thưởng cuối năm, các khoản tiền thưởng vào các dịp Lễ, Tết, thưởng khi Công ty vượt kế hoạch lợi nhuận và khi có sáng kiến cải tiến.

Đặc biệt, trong năm 2020, Công ty đã có chính sách phát hành 2,5 triệu cổ phiếu ESOP với giá phát hành bằng mệnh giá, nhằm ghi nhận sự đóng góp của CBCNV, thu hút nhân tài và tăng sự gắn kết của nhân viên.

BIMICO cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Phụ nữ Quốc tế, Ngày Phụ nữ Việt Nam, giao lưu thể thao, teambuilding, du lịch,... nhằm mang lại đời sống tinh thần phong phú cho CBCNV, cũng như nâng cao sự gắn bó trong toàn Công ty.

Năm	Mức lương bình quân (VNĐ)	Thu nhập bình quân (VNĐ)
2015	8.400.000	11.900.000
2016	9.100.000	13.600.000
2017	11.300.000	15.900.000
2018	12.500.000	16.500.000
2019	14.600.000	18.700.000
2020	14.500.000	18.300.000

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

Bên cạnh chính sách về tiền lương, thưởng, chính sách về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cũng được Công ty đặc biệt chú trọng. Hàng năm, Công ty dành một khoản ngân sách khá lớn để thực hiện nhiều khóa đào tạo phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau. Hoạt động đào tạo giúp CBCNV trang bị những kỹ năng nghề nghiệp cũng như kỹ năng mềm để gia tăng hiệu quả cộng việc, đồng thời qua đó, Công ty xây dựng được đội ngũ kế thừa để kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân sự cho sự phát triển trong tương lai.

Năm 2020, do đại dịch Covid-19 nên Công ty không tổ chức các khóa đào tạo quy mô lớn hay khóa học thuê ngoài. Thay vào đó, BIMICO tổ chức các cuộc trao đổi quy mô nhỏ, nhằm chia sẻ kinh nghiệm nghiệp vụ, giúp CBCNV nắm vững các kỹ năng yêu cầu trong công việc.

AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Để đảm bảo hoạt động SXKD được hiệu quả và liên tục thì vấn đề an toàn lao động là điều cần được chú trọng. BIMICO luôn cẩn trọng trong việc điều chỉnh chính sách và quy trình về an toàn lao động thông qua phân hồi và trao đổi tại các buổi hội nghị công đoàn, hội nghị về an toàn lao động...

Các hoạt động đào tạo, tập huấn về an toàn lao động được tổ chức thường xuyên, và hoạt động tuyên truyền nội bộ cũng được tăng cường nhằm nâng cao ý thức về an toàn lao động cho CBCNV nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại về người và tài sản trong quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, dụng cụ bảo hộ lao động cũng được trang bị đầy đủ cho người lao động, và các nhắc nhở về an toàn cũng được dán tại những khu vực rủi ro cao.

Các chương trình chăm sóc sức khỏe cho CBCNV theo quy định, đặc biệt là các chương trình chăm sóc sức khỏe cho lao động làm việc ở môi trường nguy hại, và lao động nữ được tổ chức định kỳ cho toàn thể người lao động của BIMICO.



TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



TỔNG KINH PHÍ
HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

4,464
TỶ ĐỒNG

Hoạt động SXKD của BIMICO đã góp phần tạo cơ hội việc làm cho hơn gần 400 lao động, phần lớn là cư dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương - địa bàn hoạt động của Công ty, và đóng góp một khoản đáng kể vào ngân sách nhà nước hằng năm.

Bên cạnh đó, BIMICO còn tổ chức các hoạt động vì cộng đồng như trao tặng học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn nhằm động viên tinh thần giúp các em vượt lên hoàn cảnh tiếp tục học tập.

Trong năm 2020, Công ty cũng đã hỗ trợ các địa phương và người dân bị ảnh hưởng do hoạt động sản xuất của Công ty thông qua các hình thức: Ủng hộ bằng tiền, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vật liệu, khám sức khỏe, trao học bổng, phát quà,...với tổng số tiền là: 4.463.819.182 đồng.



ĐÓNG GÓP KINH TẾ

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH



Biến đổi khí hậu dẫn đến việc gia tăng ý thức về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh, Việt Nam cũng đã đề ra Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến 2025 với 3 nhiệm vụ chính là cắt giảm phát thải nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng cường sản xuất xanh. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc thị trường vốn truyền thống đang dần được dịch chuyển sang thị trường vốn xanh để tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn và bền vững hơn phục vụ cho việc thực hiện chiến lược đã đề ra.

BIMICO hiểu được rằng để đạt được sự phát triển bền vững thì việc kết hợp mục tiêu tăng trưởng về kinh tế với trách nhiệm cộng đồng, xã hội và môi trường. Do đó, việc rà soát và điều chỉnh các quy trình liên quan đến an toàn vệ sinh lao động luôn được BIMICO chú trọng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và các bên liên quan. BIMICO còn đầu tư vào công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực cũng như nâng cao hiệu suất; đồng thời tăng đầu tư cho công tác R&D để sản xuất các loại vật liệu mới như cát nhân tạo, giảm ảnh hưởng tiêu cực đến tự nhiên.

GIÁ TRỊ KINH TẾ TẠO LẬP

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	Tăng/Giảm (%)
Doanh thu	1.314,0	1.322,5	0,6%
Doanh thu tài chính	32,1	63,0	96,3%
Doanh thu khác	20,6	21,2	2,9%
Tổng cộng	1.366,7	1.406,7	2,9%

GIÁ TRỊ KINH TẾ CHIA SẺ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2019	2020	Tăng/Giảm (%)
Chi phí hoạt động kinh doanh	945,1	1.025,1	8,5%
Lương thưởng và phúc lợi của người lao động	74,5	63	-15,4%
Chi phí tài chính	81,5	101,5	24,5%
Chi phí lãi vay	80,6	99,0	22,9%
Cổ tức bằng tiền	-	-	-
Chi phí đầu tư tài sản cố định	189,4	97,5	-48,5%
Nộp ngân sách	311,0	253,6	-18,5%
Đóng góp cho cộng đồng và xã hội	9,9	4,5	-54,9%
Tổng cộng	1.611,4	1.482,1	-8,0%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 94 Thông tin chung
- 96 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 97 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 99 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 101 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 102 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 104 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THÔNG TIN CHUNG****CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp và cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Đính	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên độc lập	
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên	
Ông Hoàng Nguyên Bình	Thành viên độc lập	
Ông Trần Đình Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Nguyên Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2020
Ông Lê Đình Vũ Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Công Sơn	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Bích Liễu	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020
Ông Mai Văn Lịch	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Hà	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	trước ngày 1 tháng 8 năm 2020
Ông Phan Tấn Đạt	Tổng Giám đốc	Thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/08/2020
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2020
Ông Lương Võ Hùng	Giám đốc tài chính	từ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2020
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Tấn Đạt.

Ông Trần Đình Hà được Ông Phan Tấn Đạt ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 12/GUQ-KS ngày 1 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và xây dựng Bình Dương (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *am*



TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
30 tháng 3 năm 2021



Ernst & Young Law Vietnam Limited
20th floor, Bitexco Financial Tower,
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City S.R. of Vietnam

Tel +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61354722/22012538-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



NGUYỄN QUỐC HOÀNG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

30 tháng 3 năm 2021

ĐINH ANH THƯ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 4635-2018-004-1

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01 – DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.382.523.920.831	2.352.944.694.240
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	151.556.122.436	139.584.504.601
111	1. Tiền		141.035.937.486	139.084.504.601
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.520.184.950	500.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.112.645.717.597	2.008.008.168.593
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	178.375.526.360	168.049.968.883
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.295.918.600	35.918.322.758
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	137.461.089.890	42.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.853.335.468.656	1.806.348.486.721
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(58.822.285.909)	(45.117.679.669)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	309.069.900
140	III. Hàng tồn kho	11	47.840.139.559	108.335.465.207
141	1. Hàng tồn kho		47.840.139.559	108.335.465.207
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		70.481.941.239	97.016.555.839
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	69.390.174.376	94.845.474.644
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	811.850.378
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	1.091.766.863	1.359.230.817
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.542.326.608.367	1.592.410.155.580
210	I. Khoản phải thu dài hạn		279.316.910.669	206.347.111.273
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	279.316.910.669	206.347.111.273
220	II. Tài sản cố định		139.922.080.332	164.603.027.775
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	80.068.752.676	95.276.395.942
222	Nguyên giá		264.721.314.473	270.725.541.181
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(184.652.561.797)	(175.449.145.239)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	59.371.768.049	68.803.710.377
225	Nguyên giá		83.384.228.306	83.384.228.306
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.012.460.257)	(14.580.517.929)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	481.559.607	522.921.456
228	Nguyên giá		1.922.142.990	1.803.280.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.440.583.383)	(1.280.358.544)
230	III. Bất động sản đầu tư	16	137.353.187.846	143.452.914.530
231	1. Nguyên giá		228.079.092.761	228.079.092.761
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(90.725.904.915)	(84.626.178.231)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		666.061.584.574	731.448.600.933
242	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17	666.061.584.574	731.448.600.933
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		40.114.554.680	44.454.114.996
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18	40.114.554.680	44.454.114.996
260	V. Tài sản dài hạn khác		279.558.290.266	302.104.386.073
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	219.474.367.083	228.496.347.020
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	6.528.718.392	7.202.062.095
269	3. Lợi thế thương mại	19	53.555.204.791	66.405.976.958
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.924.850.529.198	3.945.354.849.820

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01 – DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.340.883.085.436	2.656.011.793.391
310	I. Nợ ngắn hạn		1.402.037.233.811	1.655.999.756.869
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	25.453.661.484	71.637.104.831
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.009.891.532	1.910.425.836
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	46.704.055.481	73.718.556.608
314	4. Phải trả người lao động		3.923.824.183	4.666.143.879
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	31.027.640.634	31.878.272.876
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	55.990.118.193	18.886.513.599
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	830.138.344.927	725.292.968.191
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	348.972.408.652	668.469.815.614
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26	58.817.288.725	59.539.955.435
330	II. Nợ dài hạn		938.845.851.625	1.000.012.036.522
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	613.001.729.365	702.709.483.288
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	3.823.322.458	3.240.911.067
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	292.713.807.289	263.725.783.621
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	27	29.306.992.513	30.335.858.546
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.583.967.443.762	1.289.343.056.429
410	I. Vốn chủ sở hữu	28.1	1.583.967.443.762	1.289.343.056.429
411	1. Vốn cổ phần		669.684.780.000	537.798.820.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		669.684.780.000	537.798.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.658.500	1.658.500
	3. Cổ phiếu quỹ		(3.354.000.000)	(2.331.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		144.129.431.146	111.350.688.702
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		773.505.574.116	642.522.889.227
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		530.812.703.665	398.207.025.182
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		242.692.870.451	244.315.864.045
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.924.850.529.198	3.945.354.849.820

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02 – DN/HN

VND

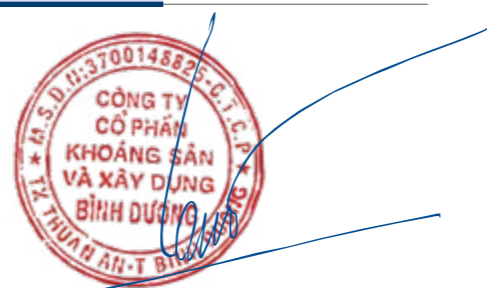
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
01	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	1.322.932.348.593	1.315.291.241.859
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(476.859.500)	(1.301.519.775)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	1.322.455.489.093	1.313.989.722.084
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30, 33	(719.343.004.972)	(673.123.987.869)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		603.112.484.121	640.865.734.215
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	63.007.679.758	32.140.615.040
22	7. Chi phí tài chính	31	(101.470.748.026)	(81.503.081.455)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(99.039.609.226)	(80.594.043.149)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	18	(4.339.560.316)	(6.509.927.538)
25	9. Chi phí bán hàng	32, 33	(88.894.108.168)	(89.171.181.816)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32, 33	(73.055.833.430)	(83.137.826.926)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		398.359.913.939	412.684.331.520
31	12. Thu nhập khác	34	21.201.060.505	20.646.949.741
30	13. Chi phí khác	34	(17.607.800.116)	(18.156.395.551)
40	14. Lợi nhuận khác	34	3.593.260.389	2.490.554.190
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		401.953.174.328	415.174.885.710
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	(73.517.978.308)	(82.773.218.634)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.3	(673.343.703)	(2.267.080.623)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		327.761.852.317	330.134.586.453
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	36	4.379	4.417
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		4.379	4.417



LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc



LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03 – DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		401.953.174.328	415.174.885.710
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 16, 19	235.983.627.629	55.092.695.901
03	Các khoản dự phòng		12.675.740.207	13.218.575.075
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	16.306
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(63.007.679.758)	(26.198.196.631)
06	Chi phí lãi vay		99.039.609.226	80.594.043.149
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		686.644.471.632	537.882.019.510
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(40.313.151.424)	5.519.673.044
10	Tăng hàng tồn kho		58.772.948.335	(58.528.648.861)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(48.209.039.322)	319.055.170.362
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		26.261.654.870	(5.202.555)
14	Tiền lãi vay đã trả		(95.477.828.159)	(59.299.646.766)
15	Thuế TNDN đã nộp	21	(83.689.753.538)	(74.280.363.477)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	26	(46.612.906.132)	(34.993.509.379)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		457.376.396.262	635.349.491.878
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(105.651.201.712)	(244.717.081.434)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	5.413.962.472
23	Tiền chi cho vay		(94.500.000.000)	(12.500.000.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	(850.302.825.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý năm giữ)		2.600.000.000	151.088.000.000
27	Lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức được chia		27.349.304.918	15.739.731.798
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(170.201.896.794)	(935.278.212.164)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		25.000.000.000	-
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.023.000.000)	(2.331.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	25	499.835.451.399	490.071.924.837
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(785.686.832.080)	(160.191.241.763)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(13.328.500.952)	(13.328.500.952)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(275.202.881.633)	314.221.182.122
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.971.617.835	14.292.461.836
60	Tiền đầu năm		139.584.504.601	125.292.059.071
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(16.306)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	151.556.122.436	139.584.504.601

LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu

NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2006 sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700148825 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán KSB theo Quyết định số 164/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 20 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp và cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty đối với hoạt động kinh doanh khoáng sản là 12 tháng và hoạt động đầu tư các dự án cho thuê khu công nghiệp là từ 36 đến 60 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 360 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 407).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp và một (1) công ty liên kết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
(1) Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Tỉnh Bình Dương	Phát triển khu công nghiệp	100	100
(2) Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Khai khoáng Thăng Long	Tỉnh Đồng Nai	Khai thác khoáng sản	100	100
(3) Công ty TNHH Đầu tư KSB	Tỉnh Bình Dương	Hoạt động đầu tư, dịch vụ tài chính	100	100
(4) Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB	Tỉnh Bình Phước	Khai thác khoáng sản	100	100
(5) Công ty TNHH Huệ Minh	Tỉnh Nghệ An	Khai thác khoáng sản	-	100
(6) Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp vật liệu xây dựng	50	50

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Kế toán máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	6 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	38 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Đất và hạ tầng khu công nghiệp cho thuê	38 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến các dự án khu công nghiệp, mỏ đá, mỏ sét mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác

Chi phí đền bù và chi phí cấp quyền khai thác gắn liền với chi phí phát triển phát sinh trong quá trình khai mỏ khoáng vật và được vốn hóa như chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dựa trên sản lượng khoáng vật được khai thác.

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng môi giới được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Công cụ dụng cụ

Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Nhà nước trong thời hạn 48 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.13 Các khoản đầu tư****Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.20 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Doanh thu từ cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;
- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Nhóm Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Nhóm Công ty phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu từ cho thuê hoạt động

Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.22 Thuế**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.24 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4. CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ VỐN GÓP TRONG CÔNG TY CON**Chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Huệ Minh ("Huệ Minh")**

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Huệ Minh theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2020/HĐCN ngày 24 tháng 12 năm 2020, với tổng giá trị là 26.000.000.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng này với số tiền lãi là 6.086.030.238 VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 29.2).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.115.419.353	787.116.981
Tiền gửi ngân hàng	138.920.518.133	138.297.387.620
Các khoản tương đương tiền (*)	10.520.184.950	500.000.000
TỔNG CỘNG	151.556.122.436	139.584.504.601

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi từ 2,9%/năm đến 4,4%/năm.

Khoản tiền gửi ngân hàng trị giá 10.500.000.000 VND đã được lần lượt dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 25.1 và 25.2).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ hoạt động kinh doanh khoáng sản	121.475.487.790	147.357.658.676
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ MDT	23.400.000.000	-
• Công ty TNHH Ngọc Lợi	11.510.445.107	9.779.678.606
• Công ty TNHH MTV Đầu Tư Song Lộc	8.476.198.830	8.476.198.830
• Công ty TNHH Ngọc Quý	2.415.950.453	24.905.780.205
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bình Dương	2.060.000.000	21.295.242.996
• Khác	73.612.893.400	82.900.758.039
Phải thu từ hoạt động kinh doanh cho thuê khu công nghiệp	56.900.038.570	20.692.310.207
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thái Hòa	17.443.262.500	19.441.262.500
• Công ty TNHH Công nghiệp Vantex	16.649.518.800	-
• Công ty Cổ phần Ecoplastics Solutions	8.540.645.850	-
• Công ty TNHH Good Winning	5.764.911.305	-
• Khác	8.501.700.115	1.251.047.707
TỔNG CỘNG	178.375.526.360	168.049.968.883
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 10)	(28.822.285.909)	(15.117.679.669)
GIÁ TRỊ THUẦN	149.553.240.451	152.932.289.214

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Mỏ Khoáng Sản	831.500.000	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	-	34.146.336.000
Khác	1.464.418.600	1.771.986.758
TỔNG CỘNG	2.295.918.600	35.918.322.758

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	124.961.089.890	30.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh số 37)	12.500.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	137.461.089.890	43.000.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 9)	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	107.461.089.890	13.000.000.000

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Mercury	52.000.000.000	Ngày 7 tháng 5 năm 2021	12
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	Quá hạn	12
Ông Lê Công Sơn	20.000.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2021	12
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Tinh Vân	20.000.000.000	Ngày 7 tháng 2 năm 2021	12
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	12.500.000.000	Ngày 30 tháng 3 năm 2021	10
Công ty TNHH Huệ Minh	2.961.089.890	Ngày 30 tháng 3 năm 2021	11
TỔNG CỘNG	137.461.089.890		

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.853.335.468.656	1.806.348.486.721
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	1.326.620.000.000	1.311.620.000.000
Phải thu từ thanh lý hợp đồng (ii)	224.579.000.000	270.000.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	150.000.000.000	150.000.000.000
Tạm ứng đến bù (iv)	111.103.757.096	59.525.000.000
Lãi từ hợp tác kinh doanh (iii)	23.950.684.932	9.210.410.958
Cổ tức	11.050.400.000	-
Phải thu lãi cho vay	3.990.574.628	208.904.000
Khác	2.041.052.000	5.784.171.763
Dài hạn	279.316.910.669	206.347.111.273
Hợp đồng hợp tác đến bù giải phóng mặt bằng (v)	242.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	32.889.910.669	30.147.493.730
Phải thu từ thanh lý hợp đồng (ii)	-	171.579.000.000
Khác	4.427.000.000	4.620.617.543
TỔNG CỘNG	2.132.652.379.325	2.012.695.597.994

- (i) Đây là khoản ủy thác đầu tư cho các cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng. Một số cổ phiếu do các cá nhân này nắm giữ đã được dùng để thế chấp các trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 25.2).
- (ii) Đây là khoản phải thu từ thanh lý hợp đồng thực hiện đến bù và thi công hạ tầng dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bình Dương ("Dịch vụ Bình Dương"). Theo đó, theo Cam kết trả nợ, Dịch vụ Bình Dương phải hoàn trả lại toàn bộ khoản tiền này trước ngày 15 tháng 6 năm 2021.
- (iii) Đây là khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HDHTKD") với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt liên quan đến việc hợp tác và phát triển dự án thuộc Tỉnh Bình Thuận. Theo HDHTKD này, Công ty được phân chia theo tỷ lệ vốn góp hoặc hưởng lãi theo quy định.
- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc thanh lý HDHTKD này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình làm việc với Danh Việt để hoàn tất việc thanh lý HDHTKD và thu hồi khoản phải thu trên.
- (iv) Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên và quản lý chủ chốt để đến bù đất cho dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc.
- (v) Đây là khoản tạm ứng theo Hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Trí ("Minh Trí") liên quan đến việc bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc. Theo hợp đồng này, Nhóm Công ty sẽ thanh toán khoản phí dịch vụ là 2% trên tổng giá trị đất bồi thường thực tế.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

10.1 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	45.117.679.669	30.883.572.750
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	14.005.961.937	14.234.106.919
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(301.355.697)	-
Số cuối năm	58.822.285.909	45.117.679.669

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

10.2 Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thái Hòa	17.443.262.500	(8.721.631.250)	8.721.631.250	19.441.262.500	-	19.441.262.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư Song Lộc	8.476.198.830	(8.476.198.830)	-	8.476.198.830	(5.933.339.181)	2.542.859.649
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	4.999.416.150	(4.999.416.150)	-	4.999.416.150	(3.499.591.305)	1.499.824.845
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp	2.765.064.363	(2.551.915.732)	213.148.631	2.765.064.363	(1.793.445.968)	971.618.395
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.131.755.320	(4.073.123.947)	3.058.631.373	7.335.411.723	(3.891.303.215)	3.444.108.508
TỔNG CỘNG	70.815.697.163	(58.822.285.909)	11.993.411.254	73.017.353.566	(45.117.679.669)	27.899.673.897

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Thành phẩm (*)	42.564.758.742	102.741.322.111		
Nguyên liệu, vật liệu	4.549.877.966	5.076.550.807		
Công cụ, dụng cụ	547.128.062	417.734.584		
Hàng hóa	178.374.789	99.857.705		
TỔNG CỘNG	47.840.139.559	108.335.465.207		

(*) Thành phẩm trị giá 10.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 25.1).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Ngắn hạn	69.390.174.376	94.845.474.644		
Chi phí hoa hồng	62.257.029.337	83.264.871.377		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.712.112.974	3.695.313.723		
Khác	4.421.032.065	7.885.289.544		
Dài hạn	219.474.367.083	228.496.347.020		
Chi phí thuê đất (*)	61.576.323.555	62.445.825.496		
Chi phí đền bù	56.679.036.073	68.328.145.640		
Chi phí cấp quyền khai thác	54.860.351.204	45.937.817.375		
Khác	46.358.656.251	51.784.558.509		
TỔNG CỘNG	288.864.541.459	323.341.821.664		

(*) Quyền sử dụng đất thuộc văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con, đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 25.1).

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà xưởng và vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	101.089.998.481	130.598.510.962	31.615.347.179	4.687.547.957	2.734.136.602	270.725.541.181
Mua mới trong năm	272.495.555	4.501.785.974	350.000.000	221.618.182	-	5.345.899.711
Thanh lý	(920.045.138)	(6.556.282.001)	(978.591.189)	-	-	(8.454.918.328)
Giảm do thanh lý công ty con	(85.000.000)	-	(2.810.208.091)	-	-	(2.895.208.091)
Số cuối năm	100.357.448.898	128.544.014.935	28.176.547.899	4.909.166.139	2.734.136.602	264.721.314.473
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	13.146.250.921	55.660.201.586	13.211.312.380	1.549.809.013	-	83.567.573.900
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(51.182.142.458)	(97.945.333.566)	(23.119.346.799)	(2.573.451.098)	(628.871.318)	(175.449.145.239)
Khấu hao	(4.723.191.184)	(10.356.908.333)	(2.081.830.216)	(255.971.471)	(392.054.592)	(17.809.955.796)
Thanh lý	920.045.138	6.127.323.470	978.591.189	-	-	8.025.959.797
Giảm do thanh lý công ty con	16.438.227	-	564.141.214	-	-	580.579.441
Số cuối năm	(54.968.850.277)	(102.174.918.429)	(23.658.444.612)	(2.829.422.569)	(1.020.925.910)	(184.652.561.797)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	49.907.856.023	32.653.177.396	8.496.000.380	2.114.096.859	2.105.265.284	95.276.395.942
Số cuối năm	45.388.598.621	26.369.096.506	4.518.103.287	2.079.743.570	1.713.210.692	80.068.752.676

(*) Văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con, đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 25.1).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND		
	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	82.524.399.107	859.829.199	83.384.228.306
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(14.334.552.769)	(245.965.160)	(14.580.517.929)
Khấu hao trong năm	(9.284.363.232)	(147.579.096)	(9.431.942.328)
Số cuối năm	(23.618.916.001)	(393.544.256)	(24.012.460.257)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	68.189.846.338	613.864.039	68.803.710.377
Số cuối năm	58.905.483.106	466.284.943	59.371.768.049

Nhóm Công ty thuê máy móc và thiết bị quản lý theo các hợp đồng thuê tài chính ký ngày 15 tháng 5 năm 2018 và ngày 6 tháng 11 năm 2018 với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê lần lượt là 48 tháng và 60 tháng. Theo đó, Nhóm Công ty có quyền mua lại máy móc thiết bị khi hết thời gian thuê. Các cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo các hợp đồng thuê tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 25.3.

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	480.000.000	1.323.280.000	1.803.280.000
Mua mới trong năm	-	488.462.990	488.462.990
Giảm do thanh lý công ty con	(280.000.000)	(89.600.000)	(369.600.000)
Số cuối năm	200.000.000	1.722.142.990	1.922.142.990
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	200.000.000	931.480.000	1.131.480.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(200.000.000)	(1.080.358.544)	(1.280.358.544)
Hao mòn	-	(194.571.498)	(194.571.498)
Giảm do thanh lý công ty con	-	34.346.659	34.346.659
Số cuối năm	(200.000.000)	(1.240.583.383)	(1.440.583.383)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	280.000.000	242.921.456	522.921.456
Số cuối năm	-	481.559.607	481.559.607

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)	40.973.916.770	1.607.721.600	160.632.641.794	24.864.812.597	228.079.092.761	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	50.528.136.362	144.279.662.112	-	194.807.798.474	
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	(50.528.136.362)	(144.279.662.112)	-	(194.807.798.474)	
Số cuối năm	40.973.916.770	1.607.721.600	160.632.641.794	24.864.812.597	228.079.092.761	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	14.650.201.954	-	-	10.319.672.112	24.969.874.066	
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)	(21.916.386.924)	(775.158.076)	(44.067.871.210)	(17.866.762.021)	(84.626.178.231)	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(1.264.680.000)	(50.570.444.822)	(147.620.671.884)	(1.451.728.452)	(200.907.525.158)	
Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng đã ghi nhận doanh thu một lần	-	50.528.136.362	144.279.662.112	-	194.807.798.474	
Số cuối năm	(23.181.066.924)	(817.466.536)	(47.408.880.982)	(19.318.490.473)	(90.725.904.915)	
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	19.057.529.846	832.563.524	116.564.770.584	6.998.050.576	143.452.914.530	
Số cuối năm	17.792.849.846	790.255.064	113.223.760.812	5.546.322.124	137.353.187.846	

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 29.1 và 30.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê lại thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tương đương với giá trị còn lại vào ngày này.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc (*)	480.504.110.275	632.475.459.597		
Dự án mỏ đá Tam Lập	104.566.338.800	8.420.002.800		
Dự án mỏ sét Phước Hòa	54.048.019.630	48.685.983.500		
Dự án mỏ đá Tân Mỹ	20.505.072.418	16.641.394.000		
Khác	6.438.043.451	25.225.761.036		
TỔNG CỘNG	666.061.584.574	731.448.600.933		

(*) Nhóm Công ty đã dùng các tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng, Khu Công nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ("KCN Đất Cuốc") để làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 25.2).

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Cung cấp vật liệu xây dựng	Đang hoạt động	50	40.114.554.680	50	44.454.114.996

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày như sau

	Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	53.000.000.000
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(8.545.885.004)
Phần lỗ từ công ty liên kết	(4.339.560.316)
Số cuối năm	(12.885.445.320)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	44.454.114.996
Số cuối năm	40.114.554.680

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND	
	Lợi thế thương mại
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	78.059.458.017
Giảm do thanh lý công ty con	(6.652.518.296)
Số cuối năm	71.406.939.721
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(11.653.481.059)
Phân bổ trong năm	(7.639.632.849)
Giảm do thanh lý công ty con	1.441.378.978
Số cuối năm	(17.851.734.930)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	66.405.976.958
Số cuối năm	53.555.204.791

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lại Duy Thanh	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây Dựng	2.459.413.633	4.200.375.704
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Quỳnh Như	2.160.666.142	3.535.546.993
Khác	17.333.581.709	60.401.182.134
TỔNG CỘNG	25.453.661.484	71.637.104.831

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND				
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	1.044.244.711	4.420.016.376	(4.372.494.224)	1.091.766.863
Thuế khác	314.986.106	-	(314.986.106)	-
TỔNG CỘNG	1.359.230.817	4.420.016.376	(4.687.480.330)	1.091.766.863
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.294.372.543	73.517.978.308	(83.689.753.538)	28.122.597.313
Thuế giá trị gia tăng	13.403.357.358	86.695.838.877	(87.056.626.750)	13.042.569.485
Thuế tài nguyên	15.999.376.260	33.100.055.045	(46.448.559.705)	2.650.871.600
Phí bảo vệ môi trường	5.170.620.959	12.168.474.832	(15.939.373.119)	1.399.722.672
Thuế thu nhập cá nhân	850.829.488	4.299.333.982	(3.681.869.059)	1.468.294.411
Thuế khác	-	12.730.594.782	(12.710.594.782)	20.000.000
TỔNG CỘNG	73.718.556.608	222.512.275.826	(249.526.776.953)	46.704.055.481

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	12.880.836.822	17.989.554.094
Dịch vụ thu xếp vốn trái phiếu	12.610.038.546	6.335.227.272
Khác	5.536.765.266	7.553.491.510
TỔNG CỘNG	31.027.640.634	31.878.272.876

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	55.990.118.193	18.886.513.599
Khoản thu trước tiên cho thuê đất Khu Công nghiệp Đất Cước	55.990.118.193	18.886.513.599
Ngắn hạn	613.001.729.365	702.709.483.288
Khoản thu trước tiên cho thuê đất Khu Công nghiệp Đất Cước	613.001.729.365	702.709.483.288
TỔNG CỘNG	668.991.847.558	721.595.996.887

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	668.469.815.614	220.810.830.186	(790.344.834.693)	250.036.597.545	348.972.408.652
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.1)	55.820.078.097	220.810.830.186	(185.686.832.080)	-	90.944.076.203
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (Thuyết minh số 25.2)	600.000.000.000	-	(600.000.000.000)	250.000.000.000	250.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 25.2)	(678.763.435)	-	8.670.498.339	(13.291.903.407)	(5.301.168.503)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	13.328.500.952	-	(13.328.500.952)	13.328.500.952	13.328.500.952
Dài hạn	263.725.783.621	279.024.621.213	-	(250.036.597.545)	292.713.807.289
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (Thuyết minh số 25.2)	250.000.000.000	300.000.000.000	-	(250.000.000.000)	300.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 25.2)	(13.291.903.407)	(20.975.378.787)	-	13.291.903.407	(20.975.378.787)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	27.017.687.028	-	-	(13.328.500.952)	13.689.186.076
TỔNG CỘNG	932.195.599.235	499.835.451.399	(790.344.834.693)	-	641.686.215.941

VND

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	90.944.076.203	Từ ngày 30 tháng 1 năm 2021 đến ngày 29 tháng 6 năm 2021	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Từ 5,7%	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc văn phòng Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB, công ty con tổng giá trị là 87.739.000.000 VND, hàng hóa trị giá 10.000.000.000 VND (Thuyết minh số 10) và tiền gửi có kỳ hạn trị giá 10.000.000.000 VND (Thuyết minh số 4).

VND

24. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	830.138.344.927	725.292.968.191
Nhận đặt cọc hợp đồng cho thuê đất (*)	813.250.145.221	713.479.480.733
Phải trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thường ban quản lý điều hành	7.680.909.348	5.386.410.390
Khác	9.207.290.358	6.427.077.068
Dài hạn	3.823.322.458	3.240.911.067
Nhận ký cược, ký quỹ	3.823.322.458	3.240.911.067
TỔNG CỘNG	833.961.667.385	728.533.879.258

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc nhận của khách hàng thuê đất thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cước. Một số hợp đồng đặt cọc đã được dùng để thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 25.2).

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Trái phiếu phát hành

VND

	Năm nay	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 40)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (i)	300.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (ii)	250.000.000.000	350.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	500.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(26.275.547.290)	(13.970.666.842)
Số cuối năm	523.724.452.710	836.029.333.158
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	244.699.831.497	599.321.236.565
Trái phiếu dài hạn	279.024.621.213	236.708.096.593

- (i) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty đã phát hành 3.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 300 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu) với kỳ hạn 3 năm.

Sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát hành, Nhóm Công ty có quyền đề nghị mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ trái phiếu, khoản gốc còn lại sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Nhóm Công ty.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cuộc (Thuyết minh số 17).

Các trái phiếu này chịu lãi suất 11%/năm cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất tiền gửi huy động của ngân hàng cộng 3,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo. Tiền lãi sẽ được trả theo kỳ 6 tháng.

- (ii) Vào ngày 29 tháng 7 năm 2019, Nhóm Công ty đã phát hành 3.500 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 350 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu) với kỳ hạn 2 năm.

Nhóm Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau:

- 1.000 (một ngàn) trái phiếu vào ngày 29 tháng 11 năm 2020;
- Toàn bộ trái phiếu còn đang lưu hành vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Nhóm Công ty.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng:

- Các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cuộc (Thuyết minh số 17),
- Các hợp đồng đặt cọc cho thuê lại quyền sử dụng đất thuộc dự án mở rộng KCN Đất Cuộc của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24),
- Các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Thuyết minh số 5),
- Các cổ phiếu của các cá nhân nắm giữ theo hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh số 9).

Các trái phiếu này chịu lãi suất 11%/năm cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất tiền gửi huy động của ngân hàng cộng 3,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo. Tiền lãi sẽ được trả theo kỳ 6 tháng.

25 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
25.3 Nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả				
Từ 1 năm trở xuống	15.222.835.413	1.894.334.461	13.328.500.952	16.591.552.348
Nợ thuê tài chính dài hạn				
Từ 1 – 5 năm	14.941.817.406	1.252.631.330	13.689.186.076	3.263.051.396
TỔNG CỘNG	30.164.652.819	3.146.965.791	27.017.687.028	40.346.187.980

VND

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU
28.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước:							
Số đầu năm	537.798.820.000	1.658.500	-	69.401.876.673	411.380.389.388	2.522.807.349	1.021.105.551.910
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	330.134.586.453	-	330.134.586.453
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	41.948.812.029	(41.948.812.029)	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.331.000.000)	-	-	-	(2.331.000.000)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	(73.606.384)	(2.522.807.349)	(2.596.413.733)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(45.941.118.290)	-	(45.941.118.290)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thường ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(8.028.549.911)	-	(8.028.549.911)
Quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Số cuối năm	537.798.820.000	1.658.500	(2.331.000.000)	111.350.688.702	642.522.889.227	-	1.289.343.056.429
Năm nay:							
Số đầu năm	537.798.820.000	1.658.500	(2.331.000.000)	111.350.688.702	642.522.889.227	-	1.289.343.056.429
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	327.761.852.317	-	327.761.852.317
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	106.885.960.000	-	-	-	(106.885.960.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu (*)	25.000.000.000	-	-	-	-	-	25.000.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.023.000.000)	-	-	-	(1.023.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	32.778.742.444	(32.778.742.444)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(45.890.239.422)	-	(45.890.239.422)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thường ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(8.224.225.562)	-	(8.224.225.562)
Quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Số cuối năm	669.684.780.000	1.658.500	(3.354.000.000)	144.129.431.146	773.505.574.116	-	1.583.967.443.762

VND

26. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	59.539.955.435	48.592.346.524
Trích lập (Thuyết minh số 28)	45.890.239.422	45.941.118.290
Sử dụng quỹ	(46.612.906.132)	(34.993.509.379)
Số cuối năm	58.817.288.725	59.539.955.435

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

VND

	Số đầu năm	Trích lập trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Dự phòng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	24.654.356.661	565.155.852	-	25.219.512.513
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.681.501.885	84.250.000	(1.678.271.885)	4.087.480.000
TỔNG CỘNG	30.335.858.546	649.405.852	(1.678.271.885)	29.306.992.513

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**28.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(*) Vào ngày 13 tháng 10 năm 2020, Công ty đã nhận được Công văn số 6117/UBCK-QLCB ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc phát hành 10.688.596 cổ phiếu để chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 10:2 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu được 2 cổ phiếu phát hành thêm). Theo đó, vào ngày 20 tháng 10 năm 2020, Công ty đã phát hành 10.688.596 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2020, Công ty đã nhận được Công văn số 6653/UBCK-QLCB ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ quản lý, cán bộ chủ chốt của Công ty, các công ty con và công ty liên kết của Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo đó, vào ngày 14 tháng 12 năm 2020, Công ty đã phát hành mới 2.500.000 cổ phiếu cho cán bộ quản lý, cán bộ chủ chốt của Công ty, các công ty con và công ty liên kết của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/2020/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương thông qua Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 cấp ngày 11 tháng 1 năm 2021.

28.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	66.968.478	53.779.882
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.968.478	53.779.882
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(335.400)	(233.100)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.633.078	53.546.782

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

28.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	537.798.820.000	537.798.820.000
Tăng trong năm	131.885.960.000	-
Số cuối năm	669.684.780.000	537.798.820.000

29. DOANH THU**29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	763.131.330.805	972.992.336.635
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	505.643.366.666	277.084.658.588
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	54.157.651.122	65.214.246.636
Giảm trừ doanh thu		
Giảm trừ doanh thu	(476.859.500)	(1.301.519.775)
DOANH THU THUẦN	1.322.455.489.093	1.313.989.722.084
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	762.654.471.305	971.690.816.860
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	505.643.366.666	277.084.658.588
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	54.157.651.122	65.214.246.636

29.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	36.568.000.000	15.302.750.181
Lãi cho vay	18.991.396.269	15.446.851.848
Lãi từ thanh lý công ty con	6.086.030.238	-
Lãi từ thanh lý công ty con	1.362.253.251	1.391.013.011
TỔNG CỘNG	63.007.679.758	32.140.615.040

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán và dịch vụ cung cấp	503.692.836.533	617.198.400.252
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận một lần	194.807.798.474	35.622.557.573
Giá vốn cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng ghi nhận phân bổ theo thời gian cho thuê	20.842.369.965	20.303.030.044
TỔNG CỘNG	719.343.004.972	673.123.987.869

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)
Chi phí lãi vay	99.039.609.226	80.594.043.149
Khác	2.431.138.800	909.038.306
TỔNG CỘNG	101.470.748.026	81.503.081.455

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)
Chi phí bán hàng	88.894.108.168	89.171.181.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.914.831.599	68.290.433.577
Chi phí nhân viên	7.812.143.803	9.519.089.918
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.295.165.366	1.328.644.863
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	973.534.711	1.311.843.937
Chi phí khác	1.898.432.689	8.721.169.521
Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.055.833.430	83.137.826.926
Chi phí nhân viên	28.849.991.107	30.629.446.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.148.281.016	19.010.857.537
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	9.046.223.314	25.543.299.410
Chi phí khác	16.011.337.993	7.954.223.440
TỔNG CỘNG	161.949.941.598	172.309.008.742

33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 40)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.348.629.127	421.930.416.439
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 13, 14, 15, 16 và 19)	235.983.627.629	55.092.695.901
Chi phí nhân viên	64.232.114.186	86.663.484.853
Chi phí nguyên vật liệu	58.168.871.285	78.918.131.341
Chi phí khác	141.559.704.343	202.828.268.077
TỔNG CỘNG	881.292.946.570	845.432.996.611

34. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	21.201.060.505	20.646.949.741
Tiền điện	19.127.435.976	15.570.674.847
Khác	2.073.624.529	5.076.274.894
Chi phí khác	(17.607.800.116)	(18.156.395.551)
Tiền điện	(16.193.682.811)	(13.711.752.902)
Khác	(1.414.117.305)	(4.444.642.649)
TỔNG CỘNG	3.593.260.389	2.490.554.190

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	73.517.978.308	82.602.831.625
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	170.387.009
Chi phí thuế TNDN hiện hành	73.517.978.308	82.773.218.634
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	673.343.703	2.267.080.623
TỔNG CỘNG	74.191.322.011	85.040.299.257

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**35.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	401.953.174.328	415.174.885.710
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	80.390.634.866	83.034.977.142
Các khoản điều chỉnh:		
Phân bổ lợi thế thương mại	1.527.926.570	1.561.189.162
Lỗ từ công ty liên kết	867.912.063	1.301.985.508
Chi phí không được trừ	111.618.849	2.011.507.424
Thu nhập cổ tức	(7.313.600.000)	(3.046.035.000)
Lỗ của các công ty con chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(30.514)	-
(Lãi) lỗ từ thanh lý công ty con	(352.088.469)	27.273.377
Thuế TNDN được giảm (*)	(928.600.182)	-
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	170.387.009
Khác	(112.451.172)	(20.985.365)
Chi phí thuế TNDN	74.191.322.011	85.040.299.257

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 - Quy định chi tiết thi hành Nghị Quyết số 116/2020/QH14 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**35.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí cải tạo môi trường	4.837.131.795	4.767.600.459	69.531.336	69.531.335
Trợ cấp thôi việc phải trả	817.496.000	1.030.816.000	(213.320.000)	(307.106.000)
Chi phí phải trả	874.090.597	1.403.645.636	(529.555.039)	(2.029.505.958)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.528.718.392	7.202.062.095		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(673.343.703)	(2.267.080.623)

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	327.761.852.317	330.134.586.453
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(45.890.239.422)	(46.218.842.103)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	43.316.636.743	283.915.744.350
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	64.375.185	64.282.179
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản (VND)	4.379	4.417
- Lãi suy giảm (VND)	4.379	4.417

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2020 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 5 năm 2020. Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh để phản ánh việc tăng 10.688.596 cổ phiếu từ việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức (Thuyết minh số 28.1).

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

37. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Các cá nhân	Quản lý chủ chốt	Tạm ứng đền bù	100.200.000.000	38.107.866.000
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.253.423.667	844.930.000
		Cho vay	-	12.500.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	Cho vay	12.500.000.000	12.500.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị:

VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	7.754.508.338	7.436.767.696
Ông Phan Tấn Đạt	1.699.415.734	1.336.323.627
Ông Trần Đình Hà	1.173.711.727	731.742.454
Ông Nguyễn Quốc Phòng	1.029.002.694	1.046.542.477
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	717.962.797	709.699.927
Ông Đặng Quang Thung	583.541.155	593.265.239
Ông Lương Võ Hùng	576.203.097	703.980.659
Ông Nguyễn Văn Đông	544.013.250	419.417.983
Ông Trần Ngọc Đính	442.800.000	324.000.000
Ông Hoàng Văn Lộc	339.857.884	1.004.795.323
Ông Tôn Thất Diên Khoa	324.000.000	324.000.000
Ông Dương Ngọc Hải	324.000.000	216.000.000
Ông Châu Anh Tuấn	-	27.000.000
Thù lao Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT	453.962.727	189.000.000
Ông Hoàng Nguyên Bình	324.000.000	189.000.000
Ông Lê Đình Vũ Long	129.962.727	-
Thù lao của Ban Kiểm soát	676.550.227	878.796.000
Ông Mai Văn Lịch	433.550.227	500.796.000
Ông Lê Công Sơn	162.000.000	216.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liễu	81.000.000	162.000.000
TỔNG CỘNG	8.885.021.292	8.504.563.689

38. CÁC CAM KẾT**Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động các mỏ đá, mỏ sét và nhà xưởng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.070.659.839	2.123.393.897
Từ 2 đến 5 năm	893.035.716	2.829.263.377
Trên 5 năm	1.505.858.100	1.646.216.608
TỔNG CỘNG	4.469.553.655	6.598.873.882

Ngoài ra, Nhóm Công ty hiện đang cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	33.111.503.873	31.675.418.141
Từ 2 đến 5 năm	122.635.015.202	110.414.558.705
Trên 5 năm	905.423.927.386	783.644.391.020
TỔNG CỘNG	1.061.170.446.461	925.734.367.866

Cam kết các hợp đồng xây dựng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với giá trị là 36.282.301.076 VND.

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là hoạt động kinh doanh khoáng sản và hoạt động cho thuê khu công nghiệp. Theo đó, các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm, dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính cùng ngày như sau:

VND

	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	762.654.471.305	896.626.635.288	(336.825.617.500)	1.322.455.489.093
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận (lỗ) gộp của bộ phận	258.961.634.772	344.150.849.349	-	603.112.484.121
Chi phí không phân bổ				(161.949.941.598)
Doanh thu hoạt động tài chính				63.007.679.758
Chi phí tài chính				(101.470.748.026)
Thu nhập khác				(4.339.560.316)
Phần lãi từ công ty liên kết				3.593.260.389
Lợi nhuận thuần trước thuế				401.953.174.328
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(73.517.978.308)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(673.343.703)
Lợi nhuận thuần sau thuế				327.761.852.317
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	2.461.283.101.346	1.965.323.700.853	(892.063.730.053)	3.534.543.072.146
Tài sản không phân bổ				390.307.457.052
Tổng tài sản				3.924.850.529.198
Nợ phải trả bộ phận	1.177.344.221.657	1.495.585.132.282	(465.258.117.502)	2.206.054.748.717
Nợ phải trả không phân bổ				134.828.336.719
Tổng công nợ				2.340.883.085.436

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

VND

	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần				
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	971.690.816.860	342.298.905.224	-	1.313.989.722.084
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận (lỗ) gộp của bộ phận	354.492.416.608	286.373.317.607	-	640.865.734.215
Chi phí không phân bổ				(172.309.008.742)
Doanh thu hoạt động tài chính				32.140.615.040
Chi phí tài chính				(81.503.081.455)
Lỗ khác				(6.509.927.538)
Phần lãi trong công ty liên kết				2.490.554.190
Lợi nhuận thuần trước thuế				415.174.885.710
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(82.773.218.634)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				(2.267.080.623)
Lợi nhuận thuần sau thuế				330.134.586.453
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	1.677.713.409.122	1.965.475.789.152		3.643.037.109.975
Tài sản không phân bổ				302.317.739.845
Tổng tài sản				3.945.354.849.820
Nợ phải trả bộ phận	996.984.378.819	1.495.585.132.282		2.492.417.422.802
Nợ phải trả không phân bổ				163.594.370.589
Tổng công nợ				2.656.011.793.391

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 – DN/HN

40. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trên dữ liệu tương ứng để phản ánh hợp lý hơn nghiệp vụ liên quan đến (i) việc dừng ghi nhận bất động sản đầu tư khi đã cho thuê lại và ghi nhận doanh thu tương ứng một lần, (ii) việc ghi nhận chi phí phát hành trái phiếu và (iii) việc ghi nhận đồng tiền chi trả từ quỹ khen thưởng phúc lợi trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Chi tiết ảnh hưởng của các khoản mục được điều chỉnh lại như sau:

VND

	Số liệu đã được trình bày trước đây	Ảnh hưởng của điều chỉnh	Số liệu được trình bày lại
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019			
Bất động sản đầu tư	270.384.162.362	(42.305.069.601)	228.079.092.761
1. Nguyên giá (i)	(126.931.247.832)	42.305.069.601	(84.626.178.231)
Chi phí trả trước dài hạn (ii)	242.467.013.862	(13.970.666.842)	228.496.347.020
2. Giá trị khấu hao lũy kế (i)	669.148.579.049	(678.763.435)	668.469.815.614
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (ii)	277.017.687.028	(13.291.903.407)	263.725.783.621
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019			
Chi phí tài chính (ii)	76.755.212.131	4.747.869.324	81.503.081.455
Chi phí quản lý doanh nghiệp (ii)	87.885.696.250	(4.747.869.324)	83.137.826.926
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019			
Chi phí lãi vay (ii)	75.846.173.825	4.747.869.324	80.594.043.149
Tăng chi phí trả trước (ii)	(12.047.105.958)	12.041.903.403	(5.202.555)
Tiền thu từ đi vay (ii)	497.546.182.176	(16.789.772.727)	480.756.409.449
(Giảm) tăng các khoản phải trả (iii)	330.146.995.572	(11.091.825.210)	319.055.170.362
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (iii)	(46.085.334.589)	11.091.825.210	(34.993.509.379)

41. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 24 tháng 2 năm 2021, Công ty TNHH Đầu tư KSB, công ty con của Nhóm Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 4.500.000 cổ phiếu tương đương 9,57% tỉ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa.

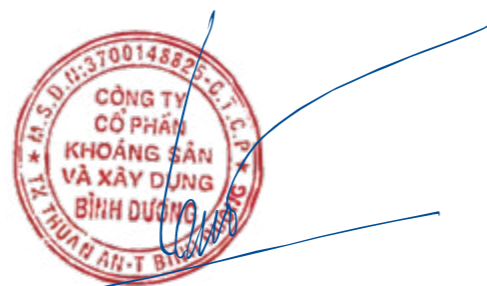
Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



LƯƠNG TRỌNG TÍN
Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Kế toán trưởng




TRẦN ĐÌNH HÀ
Tổng Giám đốc




Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải tại website: www.bimico.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

 Đại lộ Bình Dương, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

 (0274) 3822.602

 (0274) 3823.922

 info@bimico.com.vn

 www.bimico.com.vn